|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TUẦN 28  Thứ hai ngày 31 tháng 3 năm 2025  Buổi sáng  Tiết 1: SINH HOẠT DƯỚI CỜ  Trò chuyện về chủ đề quản lí chi tiêu  trong gia đình  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Lập và sử dụng được sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.  - Chia sẻ được về các khoản chi tiêu trong gia đình mình.  - Lập được số tay ghi chép chi tiêu của gia dinh.  2. Năng lực chung:  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.  *- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.  3. Phẩm chất:  *- Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  1. Đối với giáo viên:  - Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.  - Giấy A3, bút, bút màu.  - Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề  2. Đối với học sinh:  - SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5.  - Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp.  - Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: | | | | - GV cho HS sắp xếp và ổn định chỗ ngồi theo lớp qua bài hát. | - HS tập trung theo hiệu lệnh. | | | B. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ:  a. Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Hiểu được ý nghĩa của việc chi tiêu hợp lý.  - Tích cực, nhiệt tình tham gia buổi toạ đàm. | | | | b. Cách tiến hành  Hoạt động1. Thực hiện nghi lễ chào cờ  - GV Tổng phụ trách kết hợp với GV chủ nhiệm điều hành HS chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục.  - Đội nghi lễ tiến vào vị trí.  - Tiến hành thực hiện nghi lễ chào cờ.  - GV – HS ổn định chỗ ngồi.  - Nhận xét kết quả thi đua của tuần vừa qua và phát động phong trào thi đua tuần tới. | | - HS thực hiện.  - Chào cờ, Quốc ca, Đội ca,…  - Ổn định chỗ ngồi. | | Hoạt động 2. Sinh hoạt theo chủ đề: Trò chuyện về chủ đề quản lí chi tiêu  trong gia đình | | | | a. Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS có thêm hiểu biết về việc quản lí chi tiêu trong gia đình.  b. Cách tiến hành  - Đại diện nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu buổi trò chuyện về chủ đề Quản lí chi tiêu trong gia đình. Các nội dung chính như sau:  + Giới thiệu khách mời là đại diện cha mẹ HS (nếu có) tham gia buổi trò chuyện.  + Có thể cho HS tiếp cận nội dung buổi trò chuyện thông qua một tình huống cụ thể gắn với việc chi tiêu trong gia đình hằng ngày.    + GV/Khách mời chia sẻ với HS về ý nghĩa của việc quản lí chỉ tiêu, lí do cần phải quản lí chi tiêu trong gia đình.  + HS giao lưu, chia sẻ hiểu biết của bản thân về những cách quản lí chi tiêu trong gia đình. GV khuyến khích sự tương tác tích cực từ HS.  - GV mời một số HS chia sẻ điều mình học được và cảm xúc sau khi tham gia buổi trò chuyện. | | - HS lắng nghe và tham gia theo sự  hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe.  - HS đặt câu hỏi.    - HS giao lưu.  - HS chia sẻ. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2:TOÁN  Vận tốc (Tiết 1)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Năng lực *tư duy và lập luận toán học*: HS nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều (vận tốc trung bình); tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km /giờ), m/s (m/giây), m/phút; ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế.  - Năng lực *mô hình hoá toán học*: Biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một chuyển động đều); nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc.  - Năng lực *giải quyết vấn đề toán học*: Giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến vận tốc.  - Năng lực *giao tiếp toán học*: HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả các đơn vị đo vận tốc; diễn tả cách tính bài toán về vận tốc phù hợp với những tình huống cụ thể.  2. Năng lực chung:  - Phát triển năng lực *tự chủ và tự học*, *giao tiếp và hợp tác*, *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.  3. Phẩm chất:  - Phát triển phẩm chất: *chăm chỉ* trong tính toán và làm bài; *trung thực* trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; *trách nhiệm* khi tham gia hoạt động nhóm.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Giáo viên: Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; SGK, SGV Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều; Một số thông tin liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian trong thực tế.  - Học sinh: Bảng con; SGK; Vở Bài tập Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: | | | - GV hỏi: Hãy kể các phương tiện giao thông mà em biết.  - GV chốt: Sự di chuyển, chuyển động của các phương tiện giao thông hay các sự vật khác là khác nhau.  - GV chiếu tranh ở SGK/58 cho HS quan sát và yêu cầu HS : Hãy quan sát tranh và nói cho bạn nghe về tình huống liên quan đến chuyển động của các sự vật trong tranh (chuyển động nào nhanh hơn, nhanh nhất, chậm hơn, chậm nhất).  - GV gọi đại điện một vài nhóm HS nêu tình huống của nhóm mình.    - GV giới thiệu bài: Mỗi một sự vật, đối tượng luôn có sự chuyển động nhanh, chậm khác nhau. Và có một đại lượng chỉ rõ sự nhanh, chậm của một chuyển động trong một đơn vị thời gian. Đại lượng đó là gì, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay qua bài: *Bài 72: Vận tốc (Tiết 1)* | - HS kể: ô tô, máy bay, xe đạp, xe  máy, tàu hoả ...  - HS lắng nghe  - HS xem tranh minh hoạ ở SGK/58 và  hỏi bạn cùng bàn về tình huống liên quan đến chuyển động của các sự vật trong tranh.  - Một vài nhóm nêu tình huống:  +HS1: Theo bạn, ô tô và xe đạp, xe  nào đi nhanh hơn?  +HS2: Xe ô tô đi nhanh hơn xe đạp.  +HS1: Trong cùng một đơn vị thời gian, đối tượng nào chuyển động  nhanh nhất?  +HS2: Tên lửa chuyển động nhanh nhất.  - HS lắng nghe | | B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  1.Mục tiêu:  - HS nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều (vận tốc trung bình); tên gọi,  kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km/giờ), m/s (m/giây), m/phút; ước  lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế.  - Biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một  chuyển động đều); nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc. | | | Hoạt động 1: *Nhận biết về vận tốc (vận tốc trung hình) và đơn vị đo vận tốc trong chuyển động đều.*  - GV nêu tình huống (trong SGK/trang 58): “Một ô tô đi được quãng đường 216 km hết 4 giờ. Hỏi trung bình mỗi giờ, ô tô đó đi được bao nhiêu ki – lô - mét?”  - Gọi HS trả lời    - GV giới thiệu, gọi HS nhắc lại:  + Trong một giờ, ô tô đó đi được 54 km được gọi là vận tốc trung bình của ô tô. Vận tốc trung bình (hay gọi tắt là vận tốc) của ô tô đó là năm mươi tư ki-lô-mét trên giờ, viết là: *54 km/giờ.*  + Trong các bài toán, người ta thường xem xét các chuyển động luôn xảy ra với vận tốc không thay đổi (chuyển động đều).  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi đọc, viết một vài số đo vận tốc và nói cho bạn nghe thông tin biết được khi đọc các đơn vị đo vận tốc trong thực tế    - GV hỏi: *Ô tô đi từ Huế vào Đà Nẵng với vận tốc 48km/h có nghĩa là gì?*  - GV hỏi tương tự với 1 vài vận tốc khác trong thực tế.  - GV lưu ý HS đơn vị của vận tốc: *Hiện nay, đơn vị đo vận tốc phổ biến là m/giây, m/phút và km/giờ; ngoài ra, còn một số đơn vị khác như km/giây,…*  Hoạt động 2: *Nhận biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi dược chia cho thời gian trong một chuyển động đều)*  - GV chiếu lại ví dụ trên và hỏi: Trong 1 giờ ô tô đó đi được bao nhiêu km, nghĩa là hỏi vận tốc của ô tô thì ta làm thế nào?  + 216 km là gì của bài toán?  \* GV nói: *216 km là đường đi của ô tô, tức là quãng đường ô tô đi được.*  + 4 giờ là gì của bài toán?  - GV hỏi: Thế muốn tính vận tốc của ô tô ta làm thế nào?  - GV giới thiệu:  *Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian.*  *Gọi vận tốc là* v, *quãng đường là* s*, thời gian là* t*, ta có:*  v = s : t  Hoạt động 3: *Nhận biết đơn vị đo vận tốc*  - GV giới thiệu: Đối với đơn vị đo vận tốc “km/giờ”:  + Nếu quãng đường được xác định theo ki-lô-mét (km), thời gian được xác định theo giờ (h) thì đơn vị của vận tốc là ki-lô-mét trên giờ (km/giờ hoặc km/h).  + Viết là “km/giờ” hoặc “km/h”. Đọc là “ki-lô-mét trên giờ”.  - GV hỏi: Vậy đối với đơn vị đo vận tốc “m/giây” thì em hiểu thế nào?  - GV: “m/giây” viết là “m/giây” hoặc “m/s”. Đọc là “mét trên giây”.  - GV yêu cầu HS viết bảng con các vận tốc, ví dụ: *56 km/h*; *14 m/s* | - HS lắng nghe, đọc thầm.  - HS trả lời: Ta có 216 : 4 = 54 (km). Vậy trung bình mỗi giờ ô tô đó đi  được 54 km.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát:  + 2-3 nối tiếp HS nhắc lại, lớp đọc thầm  - HS thảo luận nhóm đôi đọc, viết  một vài số đo vận tốc và nói cho bạn nghe thông tin biết được khi đọc các đơn vị đo vận tốc trong thực tế  *(chẳng hạn: 45 km/giờ; 345 km/giây; 38 m/giây; 2 m/giây)* hoặc *(Vận tốc trung bình của tàu thống nhất Bắc - Nam khoảng 71 km/giờ nghĩa là trung bình mỗi giờ đoàn tàu đó đi được 71 km.)*  - HS nhóm khác ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế và nhận xét  - HS trả lời: *Trung bình mỗi giờ ô tô đó đi được 48 km.*  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS trả lời: lấy 216 : 4 = 54  + 216 km là đường đi của ô tô  \* HS lắng nghe  + 4 giờ là thời gian ô tô đi được  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc của ô tô ta lấy quãng đường ô tô đi chia cho  thời gian ô tô đi.  - HS lắng nghe  - 2-3 HS nối tiếp nhắc lại, cả lớp đọc thầm  - HS quan sát, lắng nghe  - 2-3 HS nhắc lại, cả lớp đọc thầm để ghi nhớ tên, kí hiệu đơn vị đo vận tốc km/h  - HS trả lời: Đơn vị đo vận tốc “m/giây” nghĩa là quãng đường được xác định theo mét (m), thời gian được xác định theo giây (s) thì đơn vị của vận tốc là mét trên giây.  - HS quan sát, lắng nghe  - 2-3 HS nhắc lại, cả lớp đọc thầm để ghi nhớ tên, kí hiệu đơn vị đo vận tốc m/s  - HS viết bảng con và giải thích | | C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  HS làm được Bài tập 1/trang 59: nói và viết được vận tốc của một chuyển động đều tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km/giờ), cm/s (cm/giây), m/phút; biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một chuyển động đều); nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc. | | | \* Bài 1:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV hướng dẫn mẫu câu a: Một ô tô đi được 65 km trong một giờ, vận tốc của ô tô đó là bao nhiêu ki-lô-mét trên giờ (km/h)?  + Ô tô đi được quãng đường bao nhiêu?  + Ô tô đi trong bao nhiêu giờ?  + Vận tốc của ô tô là bao nhiêu?  - GV giới thiệu một cách nói khác về vận tốc: Vận tốc là đại lượng chỉ quãng đường đi được (65 km) trong một đơn vị thời gian. Đơn vị thời gian có thể là */ giờ*, */ phút* hay */ giây.*  - Yêu cầu HS làm câu b, câu c vào vở, 2 HS làm bảng    - GV chốt đáp án đúng | *-* HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS trả lời:  + Ô tô đi được quãng đường 65km  + Ô tô đi trong 1 giờ  + Vận tốc của ô tô là 65km/h  - HS lắng nghe  - 2 HS làm bảng, lớp làm vào vở:  + Vận tốc của viên bi là 9 cm/giây.  + Vận tốc chạy của Lân là 300 m/phút.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe | | D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  Mục tiêu: Giúp HS giải quyết được vấn đề thực tiễn thông qua bài toán. | | | - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Phóng viên* để củng cố bài học. Gọi HS nhận các câu hỏi:  + Vận tốc của ô tô là 42,5 km/giờ, nghĩa là gì?  + Trong một phút, người đi bộ đi được quãng đường 83 m, vận tốc của người đi bộ đó là bao nhiêu?  + Vận tốc của ánh sáng là 300 000 km/giây, nghĩa là gì?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà tìm vận tốc của một số chuyển động trong thực tế để tiết sau chia sẻ với các bạn; nắm công thức tính vận tốc; luyện đọc, viết một số đơn vị đo vận tốc; chuẩn bị bài sau: *Bài 72: Vận tốc (Tiết 2).* | - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, nhận các câu hỏi từ GV để hỏi cả lớp.  + Trong 1 giờ ô tô đi được quãng đường 42,5 km  + Vận tốc của người đi bộ đó là 83 m/phút.    + Trong 1 giây ánh sáng đi được  quãng đường 300 000 km.  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3+ 4:TIẾNG VIỆT 1,2  Bài đọc 1: Biểu tượng của hoà bình  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  *1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ*  -Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì II.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (VD: *biểu tượng, Hy Lạp, ô liu, La Mã, vũ khí hạt nhân, giải trừ*,...). Hiểu bối cảnh của câu chuyện, nội dung và ý nghĩa của bài đọc (Bài đọc thể hiện khát vọng của loài người về hoà bình, tình thân ái, hữu nghị, tinh thần đoàn kết.).  *1.2. Phát triển năng lực văn học*  -Biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ, chi tiết hay.  2.Năng lực chung:  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm. Chủ động trao đổi, thảo luận với bạn.  *- Năng lực tự chủ và tự học:* Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.  3.Phẩm chất:  *- Phẩm chất:* Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm ban đầu về khát vọng hoà bình.  *\** QCN: Quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình. (Điều 25) (Liên hệ).  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  – GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.  – HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai; vở ô li hoặc vở bài tập.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | 1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:   1. Trao đổi  Em hiểu chủ đề của bức tranh dưới đây là gì?  Mỗi nhóm HS (nhóm 4) trao đổi về chủ đề bức tranh theo gợi ý của GV hoặc tự tìm chủ đề bằng cách giải thích nội dung hình ảnh.  Một số câu hỏi gợi ý tìm hiểu chủ đề bức tranh:  + Tranh vẽ những sự vật nào?  + Hình ảnh chim bồ câu tượng trưng cho điều gì?  + Hình ảnh các bạn nhỏ đủ màu da nắm tay nhau trên Trái Đất tượng trưng cho điều gì?  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. Chủ đề bức tranh: ca ngợi hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc.  GV nhận xét, khen ngợi HS  2. Nói những điều em biết về hoà bình (hoặc đọc một bài thơ, hát một bài hát về hoà bình)  Một số HS chia sẻ với cô giáo (thầy giáo) và các bạn:  + Hoà bình là gì? Là không có chiến tranh. / Là các nước, các dân tộc sống yên vui.  + Chúng ta cần làm gì để giữ gìn hoà bình? Cần chống chiến tranh. / Cần hoà giải. / ...  Đọc một bài thơ, hát một bài hát về hoà bình (VD: bài hát Em như chim bồ câu trắng – Trần Ngọc).  GV nhận xét, khen ngợi HS; giới thiệu chủ điểm Cánh chim hoà bình  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu:  -Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với nội dung bài đọc.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài (VD: *biểu tượng, Hy Lạp, ô liu, La Mã, vũ khí hạt nhân, giải trừ*,...).  - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc.  Hoạt động 1: Đọc thành tiếng  - GV đọc mẫu, giọng đọc linh hoạt, phù hợp với nội dung bài đọc.  - Hướng dẫn HS đọc cụm từ tiếng Anh *Nuclear Disarmament* theo hướng dẫn trong SGK: “Niu-clia Đi-sai-mơ-mân”.  - GV đặt CH về nghĩa các từ mới: *biểu tượng, ô liu, Hy Lạp, La Mã, vũ khí hạt nhân, giải trừ.*  - GV tổ chức cho HS chia đoạn và đọc nối tiếp các đoạn.  + Đoạn 1: từ đầu đến *... để giảng hoà*.  + Đoạn 2: từ *Năm 1949...* đến *... tượng trưng cho hoà bình*.  + Đoạn 3: từ *Tuy nhiên*... đến ... *Giải trừ hạt nhân*.  + Đoạn 4: phần còn lại.  - GV chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi, nhấn giọng đúng, có giọng đọc thong thả, phù hợp với văn bản thông tin.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc và những từ ngữ dễ mắc lỗi sai khi đọc.  *-*GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc theo nhóm.  + GV chia nhóm, yêu cầu từng nhóm HS đọc bài, mỗi nhóm 4 em đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS. Nhắc HS ngắt nghỉ hơi ở các dấu chấm, dấu phẩy, giọng đọc thể hiện sự hào hứng, vui vẻ ở đoạn 1 và ôn tồn, tha thiết ở đoạn 2.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV tổ chức cho HS đọc toàn bài. (4 – 5 HS đọc).  Hoạt động 2: Đọc hiểu  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 người theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Phỏng vấn.*  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:  + Mỗi nhóm cử 1 đại diện tham gia.  + Đại diện nhóm 1 đóng vai phóng viên, phỏng vấn đại diện nhóm 2. Nhóm 2 trả lời, sau đó đổi vai.  *(1)* *Các biểu tượng hoà bình gắn với hình ảnh cây ô liu xuất hiện từ bao giờ?*  *(2)* *Theo bài đọc, biểu tượng chim bồ câu hoà bình gắn với sự kiện nào?*  *(3) Hãy giải thích ý nghĩa ban đầu của biểu tượng do hoạ sĩ Hâu-tơm sáng tạo.*  *(4) Biểu tượng chống vũ khí hạt nhân đã trở thành biểu tượng mới của hoà bình như thế nào?*  *(5) Các biểu tượng hoà bình từ xưa đến nay nói lên điều gì về khát vọng của loài người?*    - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung của bài đọc là gì?*  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS.  C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:  Mục tiêu: - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp.  Hoạt động 3: Đọc nâng cao  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 2 với thong thả; ngắt nghỉ đúng chỗ; biết nhấn mạnh vào những từ ngữ quan trọng.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm đoạn 2 đã luyện.  - GV nhận xét HS.  D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  - GV tổng kết bài đọc; nhận xét và biểu dương HS.  *\** QCN: Quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình. (Điều 25) (Liên hệ).  - Em hiểu thế nào về quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình?  - GV nhận xét, chốt nội dung.  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  \* Củng cố, dặn dò:  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *-* Dặn HS về nhà đọc truyện (hoặc thơ, bài văn, bài báo) theo yêu cầu trong SGK (trang 73, *Tiếng Việt 5*, tập hai). HS có thể tìm truyện trong quyển *Truyện đọc lớp 5* (Nhà xuất bản ĐHQG Hà Nội).  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị cho Bài đọc 2. | - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - Lắng nghe.  - HS chia sẻ trước lớp.  - HS trả lời.  - Lắng nghe.     - Lắng nghe.  - HS nghe đọc mẫu và theo dõi  SGK, đọc thầm theo.  - HS đọc.  - HS dựa vào gợi ý của SGK trả lời.  - HS chia đoạn, đọc nối tiếp  đoạn.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.  - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - HS đọc.   - HS đọc nối tiếp 5 câu hỏi.  - HS thực hiện.  - Một HS đóng vai phóng viên hỏi, các học sinh được hỏi trả lời.  - Các biểu tượng hoà bình gắn với hình ảnh cây ô liu xuất hiện từ thời cổ đại.   - Theo bài đọc, việc chim bồ câu được coi là biểu tượng của hoà bình bắt nguồn từ Đại hội Chiến sĩ hoà bình Thế giới năm 1949 ở Pa-ri, thủ đô nước Pháp. Năm đó, hoạ sĩ nổi tiếng Pi-cát-xô gửi tặng Đại hội bức tranh vẽ chim bồ câu. Bức tranh ấy được được trân trọng treo trong hội trường và in trên áp phích của Đại hội như một biểu tượng của Đại hội, của hoà bình.  - Đó là một vòng tròn với các đường thẳng mô phỏng chữ N và chữ D theo hệ thống truyền tin bằng cờ. Hai chữ ấy là dạng viết tắt của các từ tiếng Anh: Nuclear Disarmament (Giải trừ Hạt nhân).  -Năm 1958, biểu tượng của Hâu-tơm được sử dụng trong phong trào chống vũ khí hạt nhân ở nước Anh. Về sau, người dân Mỹ sử dụng trong các cuộc tuần hành phản đối chiến tranh ở Việt Nam, rồi dần dần lan toả khắp nơi, trở thành một biểu tượng mới của hoà bình thế giới.  - Các biểu tượng đó cho thấy từ muôn đời nay, con người luôn yêu chuộng hoà bình, có khát vọng hoà bình: Mọi người được sống một cách yên ổn, hoà bình, thân thiện với nhau; không có chiến tranh. Đó là một khát vọng bền bì và mãnh liệt.  - Thể hiện khát vọng của loài người về hoà bình, tình thân ái, hữu nghị, tinh thần đoàn kết.  *Năm 1949, / Đại hội Nhân dân thế giới bảo vệ hoà bình / được tổ chức ở Pa-ri - thủ đô nước Pháp. // Bức tranh chim bồ câu / của hoạ sĩ nổi tiếng Pi-cát-xô gửi tặng / được trân trọng treo trong hội trường / và in trên áp phích của Đại hội.// Từ đó, / chim bồ câu / được coi là loài chim tượng trưng cho hoà bình. //*  *-* HS đọc.  - HS nêu ý kiến:Trẻ em được bảo vệ mọi lúc, dưới mọi hình thức để được sống bình yên,….  - Lắng nghe.  Tự đọc sách báo: Đọc sách báo về hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc (ở nhà)  - Lắng nghe. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Thứ ba ngày 1 tháng 4 năm 2025*  Buổi sáng  Tiết 1: TIẾNG VIỆT 3  Bài viết 1: Luyện tập kể chuyện sáng tạo  (Thực hành viết - 1 tiết)  I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  \* Phát triển năng lực ngôn ngữ  -Viết được hoàn chỉnh bài văn kể sáng tạo một câu chuyện đã học hoặc đã đọc ở nhà.  \* Phát triển năng lực văn học  - Sắp xếp được cốt truyện, có những chi tiết hay, thể hiện được ý nghĩa của câu chuyện.  2.Năng lực chung:  - Phát triển NL tự chủ và tự học (tự giải quyết nhiệm vụ học tập: viết được một bài văn kể chuyện sáng tạo gắn với tình cảm, cảm xúc).  3. Phẩm chất:  - Bồi dưỡng tình cảm, cảm xúc nhân văn, lành mạnh.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  – GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập dành cho HS.  – HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai. Đọc trước câu chuyện Một sáng thu.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:  Mục tiêu: Phát triển khả năng tưởng tượng, hư cấu xây dựng tình tiết câu chuyện nhỏ  – GV có thể cho HS chơi một trò chơi khởi động. VD: xì điện, mỗi em kể một giấc mơ, ước mơ tốt đẹp của mình về quê hương đất nước, về người thân hay bạn bè  – GV giới thiệu bài: Ở bài học trước, các em đã biết cách viết, cách mở đầu, cách kết thúc và được luyện tập phát triển cốt truyện trong viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện đã đọc, đã nghe. Hôm nay, các em sẽ vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học để kể sáng tạo câu chuyện mà các em đã chọn.  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu: - Giúp học sinh nắm được yêu cầu của đề là chọn một nội dung và sử dụng khả năng tưởng tượng hư câu xây dựng câu chuyện theo ý mình và viết ra đoạn văn theo yêu cầu.  Hoạt động 1: GV yêu cầu HS đọc đề bài, chọn một đề, đọc gợi ý và làm bài.  Chọn 1 trong 2 đề sau:  a. Kể sáng tạo câu chuyện Một sáng thu xưa (trang 65 - 66).  b. Kể sáng tạo một câu chuyện em đã đọc ở nhà về thiếu nhi.  Hoạt động 2: Giúp học sinh khai thác tìm hiểu yêu cầu đề bài  Đối với đề a. Kể sáng tạo câu chuyện Một sáng thu xưa (trang 65 - 66).  -Thay đổi vai kể (người kể chuyện). Em nhập vai là 1 chiến sĩ Đại đoàn Quân tiên phong để kể  -Thay đổi, bổ sung một số từ ngữ, chi tiết mà không làm thay đổi nội dung chính của câu chuyện. (Em kể vắn tắt theo trí tưởng tượng và trí nhớ của em. Chú ý giữ lại nguyên văn các câu nói cuối của Bác Hồ: vua nào? Là ông vua thế nào? Các Vua Hùng có công dựng nước, chính là Tổ của nước Việt Nam ta.  Rồi Bác ân cần dặn mọi người: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.”.  Đối với đề b. Kể sáng tạo một câu chuyện em đã đọc ở nhà về thiếu nhi.  Có thể kể sáng tạo theo một hoặc những cách sau:  -Thay đổi vai kể (người kể chuyện).  -Thay đổi, bổ sung một số từ ngữ, chi tiết mà không làm thay đổi nội dung chính của câu chuyện.  - Thay đổi mở đầu hoặc kết thúc câu chuyện một cách hợp lí.  C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP:  Mục tiêu: Học sinh vận dụng kỹ năng viết văn bản suy nghĩ thực hành viết bài theo đề bài đã chọn  *Hoạt động Viết bài văn kể chuyện sáng tạo*  *-Học sinh viết bài*  -HS đọc lại bài viết, sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.  -Hết giờ, GV thu bài về chấm và nhận xét.  D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:  - Học sinh về nhà đọc lại câu chuyện mà em kể, tìm thêm những đặc điểm nổi bật, bổ sung ý để có thể nói trước lớp  Câu a Tại sao nói Lời Bác dạy giản dị mà đầy ý nghĩa, còn vang vọng mãi trong lòng mọi người.  Câu b: Câu chuyện em kể có ý nghĩa gì về tình đoàn kết và xây dựng hòa bình | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.  Một sáng thu xưa (trang 65 - 66)  Sáng hôm ấy, nắng nhuộm vàng mái đền cổ kính, Bác Hồ đến thăm Đền Hùng và gặp các chiến sĩ Đại đoàn Quân tiên phong đang đóng ở đây.  Bác nhìn khắp lượt các chiến sĩ ra đón rồi hỏi:  - Các chú có khoẻ không?  - Thưa Bác, khoẻ ạ!  Mọi người đang hồi hộp chờ Bác nói chuyện thì lại nghe Bác hỏi:  - Các chú có biết đền thờ ai đây không?  Một chiến sĩ đứng gần thưa với Bác:  - Đền thờ một ông vua ạ!  - Nhưng vua nào? - Bác mỉm cười trìu mến, nhìn bộ đội. Một cán bộ trả lời:  - Dạ, Vua Hùng!  - Thế các chú có biết các Vua Hùng là những vị vua thế nào không? Tất cả đều lặng im. Bác giải thích:  - Các Vua Hùng có công dựng nước, chính là Tổ của nước Việt Nam ta.  Rồi Bác ân cần dặn mọi người: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước.”.  Lời Bác dạy giản dị mà đầy ý nghĩa, còn vang vọng mãi trong lòng mọi người.    -GV tạo không khí yên tĩnh để HS viết bài; theo dõi, giải đáp thắc mắc cho HS, nếu HS có thắc mắc. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2: TIẾNG VIỆT 4  Nói và nghe: Trao đổi: Vì hạnh phúc trẻ thơ  I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1.Năng lực đặc thù:  - HS giới thiệu được cuộc thi vẽ tranh về Hà Nội năm 2023 hoặc lễ hội Trung thu ở Việt Nam theo thông tin mà SGK cung cấp.  - Người nói biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.  - Người nghe biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và về ý kiến của bạn trong trao đổi để đặt CH hoặc phát biểu ý kiến.  2.Năng lực chung:  - Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin; có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe).  3.Phẩm chất:  - Bồi dưỡng ý thức về hoà bình, hữu nghị, thái độ tôn trọng bạn bè các dân tộc trên thế giới.  - QCN: Quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình. (Điều 26) (Liên hệ)  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  – GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, bài trình chiếu, tư liệu về tết trung thu và cuộc thi vẽ tranh năm 2023 ở Hà nội  – HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai; vở viết  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. KHỞI ĐỘNG:  – GV có thể cho HS chơi một trò chơi khởi động. VD: Tự giới thiệu bản thân.  – GV giới thiệu bài: Trong tiết Nói và nghe hôm nay, các em sẽ tập giới thiệu về cuộc thi vẽ tranh *Em yêu Hà Nội – Thành phố vì hoà bình* năm 2023 hoặc đóng vai một bạn thiếu nhi tham gia trại hè thiếu nhi quốc tế giới thiệu với thiếu nhi các nước về ngày tết Trung thu của thiếu nhi Việt Nam. Sau đó, các em sẽ cùng nhau trao đổi ý kiến về những ý nghĩa của giao lưu văn hoá, đoàn kết giữa thiếu nhi các nước,...  B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu: - Giúp học sinh hiểu thêm về Tết trung thu, cuộc thi vẽ tranh ở Hà Nội. Hiểu được nhiệm vụ bài học  *Hoạt động Chuẩn bị*  HS đọc yêu cầu trong SGK, sau đó chọn 1 trong 2 đề.  HS giơ thẻ số 1 hoặc số 2 để thông báo về đề mình chọn.  GV bố trí cho HS ngồi theo nhóm / dãy bàn gồm những HS chọn cùng một đề.  C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP:  Hoạt động Thảo luận  Mục tiêu: Hiểu và thực hành nói được một cách đơn giản về hai nội dung trên, xây dựng tình đoàn kết hòa đồng và khơi gợi tinh thần yêu chuộng hòa bình. Học sinh biết nói tóm tắt về chủ đề theo khả năng hiện có. Cả lớp biết lắng nghe, lịch sự tán dương đặt câu hỏi đối đáp với người nói và biết ghi tóm tắt ý của người nói.   * + 1. Thảo luận trong nhóm   HS trao đổi trong nhóm (HS trong nhóm cùng chọn một đề).  GV theo dõi, khuyến khích và giúp đỡ HS trao đổi với nhau.  Thảo luận trước lớp  GV mời HS đại diện các nhóm trình bày ý kiến trước lớp; trả lời CH của các bạn hoặc đặt CH, mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS khác đặt CH, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về nội dung; hướng dẫn các em trao đổi về nội dung bài nói, kết hợp kiểm tra nội dung ghi chép của HS trong khi nghe.  GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp. Khi nhận xét tiết học, GV chú ý nhận xét về cách nói, cách nghe, cách thảo luận của HS (từ ngữ, ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ, thái độ đối với người nghe, người nói,…).  Cách tiến hành:  - GV tổ chức cho học sinh chọn 1 trong 2 đề:  + Đề a Dựa vào các thông tin dưới đây, hãy giới thiệu về cuộc thi vẽ tranh “Em yêu Hà Nội - Thành phố vì hoà bình” năm 2023:  + Đề b: Tưởng tượng em được tham gia một trại hè với thiếu nhi các nước, hãy giới thiệu với các bạn về ngày tết Trung thu của thiếu nhi Việt Nam.  - GV tổ chức cho HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2.  - GV chia mỗi dãy bàn thành các nhóm 4. Tổ chức cho học sinh thảo uận theo gợi ý của sách giáo khoa.  Đề a:Trao đổi với bạn  *Tên cuộc thi, thời gian, số lượng thiếu nhi tham gia? ở đâu? Họ thi gì? Kết quả cuộc thi? Cuộc thi có ý nghĩa gì đối với thành phố Hà Nội nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung?*  Đề b: Trao đổi với bạn bè nước ngoài về lễ hội Tết Trung thu ở Việt Nam:  Tết Trung thu được tổ chức vào lúc nào. Trong tiệc lễ hội có những món ăn gì? Có những đồ chơi gì? Ngoài trời có cảnh đẹp gì? Ý nghĩa của tết trung thu ở Việt Nam? Em cảm thấy thế nào về dân tộc và lễ hội Việt Nam  – GV có thể nêu ý kiến cá nhân hoặc tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng.  D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:  - Học sinh về nhà nói về lễ hội Cồng Chiêng, lễ bỏ mả ở dân tộc làng em cho người khách du lịch  + Làm một số công việc vừa sức để thực hiện lòng yêu quê hương, yêu hòa bình và bảo vệ trẻ em ở quê hương  QCN: Quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình. (Điều 26) (Liên hệ)  - Theo em, trẻ em cần được bảo vệ khỏi những điều gì để có thể sống hạnh phúc?  - Em hiểu thế nào về "Thành phố vì hòa bình"? Theo em, điều gì giúp một thành phố trở thành nơi an toàn cho trẻ em?  - Vì sao giao lưu văn hóa giữa thiếu nhi các nước lại giúp tăng cường hòa bình?  - Em có thể làm gì để góp phần xây dựng một môi trường hòa bình cho trẻ em xung quanh mình? | - Học sinh chơi trò chơi theo  hướng dẫn của giáo viên.  Mẫu nói  “Xin chào thầy và các bạn! Em tên là  Rơ Mah Méo. Em 11 tuổi, em ở làng  Yom, xã Ia Khai. Làng em có nhiều  hồ cá…” (Và em này mời em khác nói về mình thêm về gia đình, sở thích… như  trò chơi truyền điện) trò chơi kết thúc  khoản 3-4 em, mỗi lần 1 em xong cả lớp tán dương bằng tràng pháo tay.  a-Dựa vào các thông tin dưới đây, hãy  giới thiệu về cuộc thi vẽ tranh “Em yêu Hà Nội - Thành phố vì hoà bình” năm 2023:  b-Tưởng tượng em được tham gia một  trại hè với thiếu nhi các nước, hãy giới thiệu với các bạn về ngày tết Trung thu của thiếu nhi Việt Nam.  - 2 HS đọc yêu cầu và gợi ý ở các đề a, b.  - Học sinh tiến hành lựa chọn đề và  ngồi theo dãy bàn giáo viên phân công.  Giáo viên nhắc lại cách trình bày, nói  ngắn gọn, chuẩn bị nội dung, cách lăng nghe đặt câu hỏi hay tán dương, yêu cầu tôn  trọng nhau khi thảo luận.  – HS thảo luận và luân phiên trình bày trong nhóm.  Cuộc thi “Em yêu Hà Nội - Thành phố vì hoà bình” năm 2023 đã thu hút sự tham gia của hơn 300 thiếu nhi, trong đó có thiếu nhi các nước Ấn Độ, Ca-dắc-xtan, Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a, Mê-hi-cô, Nam Phi, Nga, Ni-giê-ri-a, Phi-líp-pin, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ,... đang học tập và sinh sống tại Hà Nội. Đây là cơ hội tốt để thiếu nhi  Việt Nam và thiếu nhi các nước giao lưu, thúc đẩy tình hữu nghị. Trong thời gian 90 phút, các em đã sáng tác hàng trăm bức ảnh màu nước, màu sáp, màu bột, sơn dầu,... Kết thúc cuộc thi, đã có 1 giải Nhất, 5 giải Nhì, 10 giải Ba và 40 giải Khuyến khích được trao cho các hoạ sĩ nhỏ tuổi.  Theo báo Công Luận  Ở Việt Nam, tết Trung thu là một trong những ngày hội vui nhất. Tết Trung thu thường được tổ chức vào đêm 15 tháng Tám âm lịch hằng năm (gọi là Rằm tháng Tám). Vào đêm đó, trăng rất sáng. Người ta bày cỗ với bánh và các loại sản vật mùa thu như chuối, bưởi, hồng,. Vào dịp này, ở một số nơi, các bà, các cô còn thi nấu cỗ, làm bánh. Đêm Trung thu, trẻ em là những người vui nhất vì các em được rước đèn, thi đèn, được hoà vào các màn múa lân tưng bừng và rất nhiều hoạt động vui chơi thú vị khác.  HƯƠNG THẢO  - Một số HS trình bày ý kiến trước lớp; trả lời câu hỏi của các bạn hoặc đặt CH,  mời cả lớp thảo luận về ý kiến của bạn.  - Các HS khác lắng nghe, ghi nhận xét vắn tắt về ý kiến của bạn. Sau mỗi ý kiến  hoặc một vài ý kiến, GV mời các HS  khác đặt câu hỏi, góp ý với bạn và nêu ý kiến của mình về câu chuyện; kết hợp  kiểm tra nội dung ghi chép của HS  trong khi nghe.  Thành phố Hòa Bình. Em tự hào..  Em yêu quê hương, hòa bình…  - HS trả lời theo ý hiểu của mình  - Một số điều quan trọng mà trẻ em cần được bảo vệ gồm: Bạo lực và xâm hại. Chiến tranh, xung đột  Lao động sớm và bóc lột sức lao động. Nghèo đói, thiếu thốn. Sự phân biệt đối xử. Ảnh hưởng tiêu cực từ mạng xã hội và thông tin độc hại.  - "Thành phố vì hòa bình" là một thành phố nơi mọi người sống chan hòa, tôn trọng nhau, không có xung đột, bạo lực, và đặc biệt là bảo đảm cuộc sống an toàn, hạnh phúc cho tất cả mọi người, nhất là trẻ em.  - Giao lưu văn hóa là cơ hội để thiếu nhi từ nhiều quốc gia kết nối, hiểu nhau hơn và xây dựng tình bạn. Khi trẻ em từ các nước khác nhau cùng học hỏi, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau, điều đó giúp thế giới trở nên hòa bình hơn.  Để xây dựng một môi trường hòa bình, an toàn cho trẻ em, mỗi người, dù nhỏ bé, đều có thể đóng góp bằng những hành động thiết thực. Dưới đây là một số việc mà em có thể làm:  Đối xử tốt, yêu thương và giúp đỡ bạn bè. Xây dựng môi trường học đường không bạo lực. Bảo vệ môi trường – Góp phần tạo môi trường sống an toàn.Tham gia các hoạt động giao lưu văn hóa để hiểu và tôn trọng sự khác biệt. Lan tỏa thông điệp hòa bình qua những hành động nhỏ |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3: TOÁN  Vận tốc (Tiết 2)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Năng lực *tư duy và lập luận toán học*: HS nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều (vận tốc trung bình); tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km /giờ), m/s (m/giây), m/phút; ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế.  - Năng lực *mô hình hoá toán học*: Biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một chuyển động đều); nắm công thức, rèn kĩ năng tính theo công thức để giải các bài toán về vận.  - Năng lực *giải quyết vấn đề toán học*: Giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến vận tốc.  - Năng lực *giao tiếp toán học*: HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả các đơn vị đo vận tốc; diễn tả cách tính bài toán về vận tốc phù hợp với những tình huống cụ thể.  2. Năng lực chung:  - Phát triển năng lực *tự chủ và tự học*, *giao tiếp và hợp tác*, *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua việc khuyến khích học sinh tự học tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.  3. Phẩm chất:  - Phát triển phẩm chất: *chăm chỉ* trong tính toán và làm bài; *trung thực* trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; *trách nhiệm* khi tham gia hoạt động nhóm.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Giáo viên: Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; SGK, SGV Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều; Một số thông tin liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian trong thực tế.  - Học sinh: Bảng con; SGK; Vở Bài tập Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: | | | - GV tổ chức cho HS chơi Trò chơi *Tiếp sức*: *Tìm vận tốc phù hợp với sự vật, đối tượng.*  \* Cách chơi: Chọn 2 đội chơi, mỗi đội 4 em, xếp thành một hàng dọc cách bảng 3m. GV chia đôi bảng, mỗi bên bảng viết hoặc dán “Sự vật – Vận tốc”. Chuẩn bị cho mỗi đội 8 thẻ từ: 4 thẻ từ có hình ảnh: *xe ô tô, ốc sên, tàu hoả, viên bi màu* và 4 thẻ có vận tốc: *9 cm/s ; 54 km/h; 36 km/h; 10 cm/phút*  để ngửa trên bàn.  Lần lượt từng thành viên mỗi đội lên chọn 1 cặp ảnh “Sự vật – Vận tốc” phù hợp thì lên bảng dán ở phần bảng đội của mình. Nếu không ghép được thì di chuyển về cuối hàng để bạn tiếp theo thực hiện. Nhóm nào hoàn thành hết thẻ từ trước, đúng nhiều hơn thì là đội thắng cuộc.  - GV giới thiệu bài: Qua trò chơi, cô nhận thấy: các em đã ước lượng đúng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế. Vận tốc là đại lượng chỉ quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian. Tiết trước, các em đã nắm tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc; ước lượng vận tốc của một số chuyển động. Và để giúp các em áp dụng công thức tính vận tốc đã học trong một số tình huống thực tế, chúng ta đi vào bài học hôm nay: Vận tốc *(tiết 2)*! | - Học sinh chơi trò chơi *Tiếp sức* theo hướng dẫn của GV.  + Đáp án: Xe ô tô : *54 km/h*  Ốc sên : *10 cm/phút*  Tàu hoả : *36 km/h*  Viên bi màu : *9 cm/s*  - HS lắng nghe | | B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  HS làm được Bài tập 2, 3/ trang 59: biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một chuyển động đều); nắm công thức, rèn kĩ năng tính theo công thức các bài toán về vận tốc; nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều (vận tốc trung bình); tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo vận tốc: km/h (km/giờ), m/s (m/giây), m/phút; ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế. | | | \* Bài 2:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    - GV hỏi: Muốn tính vận tốc, ta làm thế nào?  - GV hướng dẫn mẫu cột 1: Muốn tính vận tốc ở cột 1, ta làm thế nào? Đơn vị của vận tốc là gì? Vì sao em biết đơn vị đó?    - GV nhận xét  - GV yêu cầu HS tính vận tốc ở 3 cột còn lại vào vở, 3 HS làm bảng  - GV gọi HS nêu cách làm, vì sao lại viết đơn vị của vận tốc như vậy.  - GV hỏi: Muốn tính vận tốc, ta làm thế nào?  - GV nhận xét:     |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | s | 250km | 237 m | 4380m | 230km | | t | 5 giờ | 15 giây | 60 phút | 2,5 giờ | | v | 50km/h | 15,8m/s | 73m/phút | 92km/h |   \* Bài 3:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    - GV hướng dẫn mẫu câu 3a:  + Ở bài 3a, tình huống cho biết gì?    + Tình huống hỏi gì?  + Đề bài yêu cầu đơn vị của vận tốc được tính theo đơn vị gì?  + GV: Tức là bài a đã có đơn vị của quãng đường và thời gian phù hợp với đơn vị vận tốc mà bài toán yêu cầu. Vậy muốn tính vận tốc của máy bay Boeing, ta làm thế nào?  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4, tiến hành làm các bài tập a, b, c vào vở  - Gọi đại diện các nhóm lên trình bày ở bảng lớp  - GV hỏi cách làm của bài b:  + Vì sao phải đổi 1 phút 20 giây ra 80 giây?  - GV hỏi cách làm của bài c:  + Vì sao phải đổi 6 phút sang đơn vị giờ ?  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng  - GV nhắc: Cần chú ý đơn vị của vận tốc phải phụ thuộc vào đơn vị của quãng đường và thời gian. | *-* HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS trả lời: *Tính vận tốc biết quãng đường và thời gian trong các trường hợp.*  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian.  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc ở cột 1, ta lấy 250 : 5 = 50 (km/h). Đơn vị của vận tốc là km/h. Vì quãng đường tính bằng đơn vị km, thời gian tính bằng đơn vị giờ nên đơn vị vận tốc là km/h.  - HS khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS tính vận tốc ở 3 cột còn lại vào vở; 3 HS làm bảng  - HS trả lời  - HS khác nhận xét  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian.  - HS đọc yêu cầu bài 3  - HS trả lời: Tính vận tốc của các tình huống a, b, c  - HS trả lời:  + Quãng đường bay của máy bay Boeing là 2 850 km, thời gian là 3 giờ  + Tính vận tốc của máy bay đó theo km/h  + Đơn vị của vận tốc được tính theo đơn vị km/h  + Ta lấy 2 850 : 3  - HS thảo luận nhóm 4, làm vào vở, sau đó lên trình bày ở bảng lớp theo yêu cầu của GV  - HS nhóm khác nhận xét  - HS quan sát, lắng nghe. | | C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  Mục tiêu: HS làm được Bài tập 4 / trang 59: nhận biết được vận tốc của một chuyển động đều (vận tốc trung bình); ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế. HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả các đơn vị đo vận tốc; diễn tả cách hiểu về vận tốc phù hợp với những tình huống cụ thể. | | | \* Bài 4:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 4.  - GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi Truyền điện:  + GV sẽ xung phong truyền điện đầu tiên ở tranh 1: *Vận tốc của Linh dương là 56 km/h nghĩa là trung bình mỗi giờ Linh dương chạy được 56 km.*  + GV gọi HS khác nói tranh 2.    + Sau khi nói đúng tranh 2, HS đó được phép hỏi gọi HS khác trả lời tranh 3.  + Cứ tiếp tục như vậy cho đến tranh 6  + HS trả lời đúng, cả lớp vỗ tay; HS trả lời chưa đúng thì GV sẽ gọi HS khác trả lời  - GV nhận xét  - Yêu cầu HS chia sẻ một số thông tin liên quan đến vận tốc trong cuộc sống mà các em biết: chẳng hạn, em nhìn thấy kí hiệu về vận tốc ở những đâu? (ở xe máy, ô tô,...)  *\* Củng cố*  - GV hỏi: + Tiết học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì? Thuật ngữ nào chúng ta cần ghi nhớ?  + Các em đã được học về vận tốc, đơn vị đo vận tốc và cách tính vận tốc khi biết quãng đường, thời gian, theo em điều đó có thể ứng dụng trong cuộc sống như thế nào?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà tìm vận tốc của một số chuyển động trong thực tế để tiết sau chia sẻ với các bạn; nắm công thức tính vận tốc và một số đơn vị đo vận tốc; chuẩn bị bài sau: *Bài 73: Luyện tập (trang 60, 61).* | - HS đọc yêu cầu bài 4  - HS trả lời: Đọc thông tin về vận tốc của các con vật trong tranh ở SGK/59.  - HS chơi trò chơi Truyền điện  + HS lắng nghe  + *Vận tốc của Ngựa vằn là 60 km/h nghĩa là trung bình mỗi giờ Ngựa vằn chạy được 60 km.*    - HS lắng nghe  - HS chia sẻ trước lớp  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 4: TIẾNG VIỆT TĂNG  LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHÉP  I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT  1. Năng lực đặc thù  - HS ôn tập và củng cố về câu ghép cách nối các vế câu ghép.  - HS làm thành thạo các bài tập liên quan cách nối các vế câu ghép.  2.Năng lực chung:  - Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.  3. Phẩm chất  - HS yêu thích môn học  II- CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | 1. Khởi động  - Cả lớp vận động theo nhạc  - Có mấy cách dùng để nối các vế trong câu ghép?  - Đặt câu ghép có dùng các cách nối trên nối các vế trong mỗi câu?  - GV chép 2 câu lên bảng.  - GT bài, ghi đầu bài.  2. Thực hành:  Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu không phải là câu ghép? Giải thích vì sao?  a) Em được mọi người yêu mến vì em chăm ngoan học giỏi.  b) Vì em chăm ngoan học giỏi, em được mọi người yêu mến.  c) Em luôn chăm ngoan và học giỏi.  d) Nhờ em chăm ngoan học giỏi mà em được mọi người yêu mến.  - GV theo dõi và giúp đỡ HS hoàn thành bài tập.  - HDHS phân tích cấu tạo câu?  - GV nhận xét, đánh giá.  Bài 2: Điền từ chỉ quan hệ vào chỗ trống để hoàn chỉnh bài ca dao sau:  Ngày đi, trúc ...... mọc măng  Ngày về, trúc ...... cao bằng ngọn tre.  Ngày đi, lúa ...... chia vè  Ngày về, lúa ...... đỏ hoe ngoài đồng.  - GV theo dõi giúp đỡ HS hoàn thành BT. (chửa....đã....)  - Nêu ý nghĩa của cặp kết từ trên?  Bài 3: Viết một đoạn văn ngắn câu nói về tình hình học tập của lớp em trong những ngày vừa qua có sử dụng các cặp kết từ.  - Nêu cấu trúc một đoạn văn?  - 3 phần này khi viết cần chú ý điều gì?  - GV giúp HS chữa bài .  - Các bạn sau những ngày nghỉ tết học tập như thế nào?  - Em làm gì để hưởng ứng phong trào học tập đó?  - Khuyến khích HS sử dụng các cặp kết từ cho linh hoạt.  3. Vận dụng  *\* Nêu cách phân biệt câu đơn, câu ghép?*  *\* Tác dụng của kết từ và cặp kết từ trong câu ghép?* | - Cả lớp vận động  - 2 cách:  + Nối bằng kết từ, cặp kết từ hoặc  những cặp từ khác có tác dụng nối (vừa...đã..; chưa...đã...; đâu... đấy...; ...  + Nối trực tiếp (không dùng từ nối), dùng các dấu: phẩy, chấm phẩy hoặc dấu 2 chấm.  - HS đặt câu, nối tiếp đọc câu của  mình.  - Chữa bài tập thể.  - HS đọc đề nêu yêu cầu.  - HS làm việc cá nhân, viết đáp án vào vở.  - 1HS trả lời và giải thích vì sao?  - Lớp nhận xét, bổ sung.  - HS đọc đề nêu yêu cầu,  - Hoạt động nhóm đôi.  - HS đại diện nêu đáp án.  - HS nhóm khác nhận xét  - Đọc lại những câu vừa điền hoàn chỉnh.  - Câu ca dao này sử dụng hình ảnh  trúc và lúa để nhấn mạnh sự phát  triển nhanh chóng và thay đổi của tự  nhiên trong khoảng thời gian ngắn.  Nó có thể mang ý nghĩa rộng hơn  về sự trưởng thành và phát triển  trong cuộc sống.  - HS xác định yêu cầu của đề bài.  - Câu mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.  - Các phần trong đoạn văn không được tách rời (xuống dòng)  - HS viết đoạn văn  - Hăng say, thi đua học tập, trong lớp hăng hái phát biểu ý kiến x/dựng bài...  - Em cũng chăm chỉ học tập....  - HS làm bài vào vở.  - Chữa bài - Nhận xét.  - HS nêu |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Buổi chiều  Tiết 1: KHOA HỌC  Bài 17: Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tuổi dậy thì  (Tiết 1)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - HS giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.  - HS có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể.  2. Năng lực chung:  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.  - Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã khám phá ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống; tự đánh giá ý thức giữ vệ sinh cơ thể của bản thân.  - Năng lực tự học: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.  - Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.  - Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.  - Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  1. GV:  - SGK, TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu, tranh ảnh, clip về các hoạt động trong bài.  2. HS:  - SGK, Bút dạ, VBT.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. Hoạt động khởi động:  a) Mục tiêu:  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  b) Cách thực hiện: | | | - GV cho HS hát và vận động theo nhạc bài hát “Con đã lớn khôn”.  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1 và 2 trang 77, tìm hiểu câu hỏi:  + Các bạn trong hình 1, 2 đang lo lắng, thắc mắc về điều gì?  + Điều đó thường xuất hiện đối với cả bạn nam và bạn nữ ở tuổi nào?  - GV nhận xét. Đặt câu hỏi:  + Tuổi dậy thì bắt đầu ở khoảng tuổi nào?  - GV cho nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hát và vận động theo nhạc.  - HS quan sát và chia sẻ trước lớp:  + Lo lắng, thắc mắc về sự biến đổi của  cơ thể: nổi nhiều muộn trên mặt, mùi cơ  thể khó chịu,…  + Ở tuổi dậy thì.  - HS lắng nghe, nhận xét.  - HS lắng nghe, trả lời câu hỏi.  + Tuổi dậy thì bắt đầu ở nam khoảng  9-14 tuổi, ở nữ khoảng 8-13 tuổi.  - HS lắng nghe. | | B. Hoạt động khám phá kiến thức:  a) Mục tiêu:  - HS giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.  - HS có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh  dục ngoài..  b) Cách thực hiện: | | | 1. Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể  *\* Làm việc cá nhân:*  - GV yêu cầu HS đọc thầm và quan sát tranh các câu chuyện ở hình 3 và 4 trang 78, 79.  *\* Làm việc nhóm:*  - Giáo viên cho các nhóm thảo luận  + Ở tuổi dậy thì, cơ thể bạn nam và bạn nữ có những dấu hiệu gì?  + Các bạn đó đã chia sẻ những lo lắng, thắc mắc với ai và được hướng dẫn như thế nào?  + Sau khi được hướng dẫn, ý thức thực hiện vệ sinh cá nhân của các bạn thế nào?  *\* Làm việc cả lớp:*  - GV yêu cầu đại diện mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận một trong ba câu hỏi trước lớp.  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS.  - GV nhấn mạnh về kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài.  - GV cho HS cả lớp cùng thảo luận:  + Em cần làm gì để hạn chế bị mụn “trứng cá”?  + Giải thích vì sao cần phải vệ sinh cơ thể, đặc biệt ở tuổi dậy thì?  - GV cho nhận xét.  - GV gọi HS chia sẻ ý kiến. | - HS đọc thầm và quan sát tranh.  + Dưới góc độ sinh học, nam có khả năng xuất tinh, nữ có kinh nguyệt.  + Các bạn đã chia sẻ với ba (mẹ), cô y tá  (giáo viên) và được hướng dẫn: Cần rửa  mặt, tắm gội và thay quần áo sạch, đặc biệt chú ý khi vệ sinh bộ phận sinh dục ngoài…  + Các bạn thực hiện ngay và thường  xuyên.  - Các nhóm cử đại diện trình bày, nhóm  khác bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS tiến hành thảo luận:  + Để hạn chế mụn “trứng cá”, em cần rửa mặt ít nhất 2 lần một lần bằng nước rửa mặt  hoặc xà phòng tắm. Không nên gãi hay  nặn mụn sẽ dẫn đến nhiễm trùng nặng  hơn, để lại vết sẹo hoặc làm trứng cá  nhiều thêm.  + Vì bước vào tuổi dậy thì, các tuyến dầu, tuyến mồ hôi ở da hoạt động mạnh. Mồ  hôi có thể gây ra mùi hôi, nếu để đọng  lại trên cơ thể, đặc biệt là ở vùng kín sẽ gây ra mùi khó chịu…  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. | | C. Hoạt động thực hành, luyện tập  a) Mục tiêu:  - Củng cố các kiến thức đã học về các việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể và tự đánh  giá ý thức giữ vệ sinh cơ thể cho bản thân.  b) Cách tiến hành: | | | *\* Làm việc cá nhân:*  - GV cho HS làm bài tập 4, Bài 17 vở bài tập Khoa học 5.  *\* Làm việc cả lớp:*  - GV gọi một số HS chữa bài tập.  - GV cho nhận xét vở bài tập của một số HS, tuyên dương HS tích cực. | - HS làm vở bài tập  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ sung  cho bạn.  - HS lắng nghe. | | D. Hoạt động vận dụng:  a) Mục tiêu:  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  - Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau bài học.  b) Cách tiến hành: | | | - GV cho HS chơi trò “Phỏng vấn”:  + 1 xung phong HS làm phóng viên.  + HS làm làm phóng viên sẽ đến phỏng vấn một số bạn trong lớp với các câu hỏi sau:  1. Theo bạn những việc cần làm để giữ vệ sinh cơ thể là gì?  2. Bạn hãy giải thích vì sao phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt ở tuổi dậy thì?  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước tiết 2. | - HS cả lớp cùng chơi  + HS chia sẻ ý kiến của mình  + HS khác lắng nghe, đặt câu hỏi thắc  mắc về ý kiến chia sẻ của bạn.  - HS lắng nghe, tuyên dương bạn.  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2: ĐẠO ĐỨC  Em phòng, tránh xâm hại (Tiết 2)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.  - Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.  - Năng lực điều chỉnh hành vi, có thái độ, lời nói, việc làm biết cách phòng, tránh xâm hại  - Góp phần hình thành năng lực phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội.  2. Năng lực chung:  - *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.  - *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.  - *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.  3. Phẩm chất:  - Góp phần hình thành phẩm chất yêu nước, chăm chỉ.  \* GDKNS: GDHS kĩ năng để phòng tránh bị xâm hại tình dục.  II.CHUẨN BỊ THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:   * Đối với giáo viên: * Giáo án, SHS, SGV, SBT Đạo đức 5. * Các video clip liên quan đến phòng,tránh xâm hại * Máy tính, máy chiếu (nếu có). * Đối với học sinh: * Sách giáo khoa. * Tranh ảnh, tư liệu, video sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.   III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. Hoạt động khởi động:  a) Mục tiêu:  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Kết nối được kiến thức HS đã biết với nội dung kiến thức mới trong bài  - Giới thiệu bài mới.  b) Cách thực hiện: | | | - Gv yêu cầu hs nêu một số quy định của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em  - Gv nhận xét, khen ngợi | - Hs trả lời  - HS lắng nghe. | | B. Hoạt động khám phá kiến thức:  1. Hoạt động 1: Bày tỏ ý kiến  a) Mục tiêu:  - Hs hiểu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em  b) Cách thực hiện: | | | - Gv yêu cầu hs trao đổi trong nhóm: Đọc các ý kiến và trả lời câu hỏi: Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào? Vì sao?  - Gv nhận xét, đánh giá, rút ra câu trả lời phù hợp | -Hs trao đổi trong nhóm 2, trao đổi  các ý kiến  Gợi ý  + Đồng ý kiến: a;b;c;d  + Không đồng ý: e;g  -Hs chia sẻ trước lớp | | Hoạt động 2: Thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  a) Mục tiêu:  - HS biết cách thực hiện một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại  b) Cách thực hiện: | | | - GV yêu cầu hs đọc các từ khóa trong SGK trang 56 và thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi  + Theo em, các từ khóa trên cần thực hiện trong trường hợp nào để phòng, tránh xâm hại  -Gv yêu cầu :  +Bạn nào trong tranh đã nhận biết được nguy cơ và biết cách phòng, tránh xâm hại?  + Việc phòng, tránh nguy cơ xâm hại có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân em? | - Hs trao đổi trong nhóm 4, đọc các  từ khóa  Gợi ý  + Cảnh giác: Khi xuất hiện các tình  huống khác thường  + Bình tĩnh: Khi xuất hiện các tình  huống khác thường  + Từ chối: Khi người lạ yêu cầu  thực hiện một việc nào đó, khi ai  đó yêu cầu làm các công việc khả nghi  + Tự vệ: Khi ai đó làm tổn hại đến  cơ thể  + Rời khỏi: Khi xuất hiện các tình  huống nguy hiểm  + Chia sẻ: Khi ai đó thực hiện các  hành vi vi phạm pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em  + Gọi tổng đài 111: Khi cần sự hỗ  trợ  - HS chia sẻ, HS khác bổ sung cho  bạn.  - HS lắng nghe | | C. Hoạt động thực hành, luyện tập:  a) Mục tiêu: - Hs xác định được cách ứng xử phù hợp các hành vi xâm hại  b) Cách tiến hành: | | | - GV yêu cầu học sinh đọc các tình huống và trao đổi các cách ứng xử của mình  -Gv khuyến khích hs đưa ra những ứng xử phù hợp.  - GV cho HS chia sẻ kết quả thảo luận.  - GV cho nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực. | - HS làm việc nhóm 2. Trao đổi với bạn  Gợi ý:  + Tình huống 1: Nếu chứng kiến  việc làm của các bạn trên, em sẽ  khuyên các bạn như thế nào?  + Tình huống 2: Nếu là Hoàng, em  sẽ làm gì  - HS chia sẻ trước lớp, HS khác bổ  sung cho bạn.  - HS lắng nghe. | | D. Hoạt động vận dụng:  a) Mục tiêu:  - HS hiểu một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại  b) Cách tiến hành: | | | - GV hướng dẫn Hs tìm hiểu và chia sẻ cách phòng, tránh xâm hại trong một sô tình huống mà HS biết  - Gv cho hs thực hành nguyên tắc bàn tay để giúp em giữ khoảng cách an toàn và bảo vệ bản thân.  - Gv cho hs xem clip: <https://www.youtube.com/watch?v=cQmgoyMUfv8>  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  \* DẶN DÒ  - GV hướng dẫn hs cách sưu tầm những hình ảnh hoặc đoạn phim hướng dẫn cách phòng tránh xâm hại.  Hướng dẫn HS kỹ năng phòng vệ tránh bị xâm hại tình dục:  -Nhận biết những hành vi xâm hại tình dục để đề phòng .  - Tìm hiểu những kiến thức về giới tính ngay từ nhỏ.  - Hướng dẫn HS biết tôn trọng bản thân, chỉ rõ cho con thấy chỗ “nhạy cảm” là chỗ nào.  -Hướng dẫn cho HS biết ai là người có thể chạm vào cơ thể, vào những khu vực nhạy cảm.  - Nhẹ nhàng và khéo léo cho HS biết những bộ phận nhạy cảm không để người khác chạm vào cũng như không được chạm vào của các bạn khác hay của người lớn.  - Dạy các bé trai không được xâm phạm các bạn nữ.  - Yêu cầu HS nêu lại. | - Hs chia sẻ, HS lớp lắng nghe.  -Hs xem clip và vẽ lại quy tắc bàn  tay  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe và phát biểu theo ý hiểu.  - HS khác nhận xét, bổ sung. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3: KĨ NĂNG SỐNG  Chủ đề: Kỹ năng tham gia giao thông an toàn  Tiết 28: Trải nghiệm Cảnh sát giao thông nhí  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - HS có ý thức chấp hành đúng luật an toàn giao thông. Tham gia giao thông an toàn, ý thức sống và làm việc theo pháp luật.  2. Năng lực chung:  - Năng lực kỉ luật, chấp hành pháp luật.  - Năng lực bảo vệ bản thân.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Phẩm chất:  - Rèn luyện ý thức và trách nhiệm đối với bản thân và xã hội.  - HS có ý thức bảo vệ bản thân, tự giác tuân thủ đúng các luật lệ khi tham gia giao thông.  - HS tuyên truyền kỹ năng bảo vệ an toàn bản thân và an toàn cho mọi người xung quanh khi tham gia giao thông.  II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:  *- Giáo viên:*  +Kế hoạch bài dạy, bài giảng powerpoint,  +Tranh ảnh, biển báo giao thông, bộ quần áo CSGT.  *- Học sinh:* Sách vở, đồ dùng học tập  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:   |  |  | | --- | --- | | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh | | 1. Hoạt động khởi động (2-3’)  - GV cho HS khởi động: Trò chơi *“Đèn xanh - đèn đỏ”.*  - Cách chơi:  + Chia lớp chơi thành 2 đội.  ++ GV hô: “đèn xanh/ đèn đỏ/ đèn vàng, HS phải lái xe/ dừng xe/ đi chậm.  + Sau hiệu lệnh của GV về các loại đèn tín hiệu xanh- đỏ- vàng, HS phải mô phỏng đúng động tác của các phương tiện giao thông, chạy và dừng lại theo đúng tín hiệu đèn, ai sai phải ngồi xuống.  - Mục đích: Tạo không khí vui vẻ, phấn khởi cho tiết học.  2. Hoạt động hình thành kiến thức mới.  a. Thực trạng tai nạn giao thông  \* Phương pháp & KTDH: GV sử dụng phương pháp phân tích hình ảnh ( GV sử dụng hình ảnh TNGT và phân tích thiệt hại về người và tài sản cho HS).  - Hiện nay tai nạn giao thông đang diễn ra hằng ngày gây thiệt hại rất lớn về tài sản và tính mạng.  - Nguyên nhân: Người tham gia giao thông ý thức còn kém, ít hiểu biết về pháp luật, sử dụng chất ma túy, rượu bia khi tham gia giao thông, chạy xe quá tốc độ cho phép, phóng nhanh vượt ẩu...là những nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông.  - Em đã chứng kiến hay nghe kể về một vụ TNGT nào chưa?  - Em sẽ làm như thế nào để luôn an toàn khi tham gia giao thông ?  b. Biện pháp phòng ngừa TNGT  - GV: Để chủ động ngăn ngừa TNGT, phòng tránh những thiệt hại, tính mạng của chính chúng ta, em sẽ làm gì ?  GV nhận xét và kết luận:  - Có ý thức tuân thủ luật giao thông  - Quan sát, giữ khoảng cách, đội mũ bảo hiểm, đi trên vỉa hè, về phía tay phải.  - Không sử dụng chất có cồn, ma túy  - Tuyên truyền phổ biến luật giao thông cho toàn xã hội.  c. Cùng em tìm hiểu luật ATGT  \* Tìm hiểu tín hiệu đèn:   * \*Phương pháp & KTDH: GV Chia nhóm và tổ chức thảo luận- thuyết trình giữa các nhóm.   - GV cho hs quan sát hình ảnh.  Káº¿t quáº£ hÃ¬nh áº£nh cho hinh anh den giao thong  - GV đặt vấn đề:  ? Đèn giao thông có mấy màu ?  ? Tín hiệu của các loại đèn giao thông.  - GV gọi đại diện nhóm lên trình bày.  - GV nhận xét và bổ sung.   * Có 3 loại đèn giao thông: Đèn xanh, đèn vàng và đèn đỏ. * Đèn xanh: Khi gặp đèn xanh, tất cả các phương tiện được phép đi. * Đèn vàng: Đèn vàng là dấu hiệu của sự chuyển đổi tín hiệu từ xanh sang đỏ. Khi gặp đèn vàng các phương tiện đi chậm và dừng đúng vạch. * Đèn đỏ: Khi gặp đèn đỏ các phương tiện phải dừng lại.   \* Tìm hiểu làn đi bộ, cách qua đường:  - GV: Em thường đi bộ trên đường và sang đường như thế nào ?  - GV gọi đại diện nhóm lên trình bày.  - GV nhận xét và bổ sung.   * Luôn đi đúng phần đường dành cho người đi bộ. Vỉa hè bên phải nếu không có vỉa hè thì đi vào phần đường bên phải, càng cách xa các phương tiện giao thông càng tốt. * Không đi dàn hàng ngang trên đường. * Đi từ trong ngõ ra đường phải quan sát kỹ, không chạy nhanh ra. * Chỉ qua đường ở những nơi có đường qua đường dành cho người đi bộ ( có người lớn đi cùng)   3. Hoạt động luyện tập.  3.1 Em là cảnh sát giao thông nhí.  - GV cho hs thực hành ngoài sân trường.  - GV chuẩn bị:   * Bộ trang phục của cảnh sát giao thông nhí. * Phấn. * Cột đèn giao thông.   - GV chọn vị trí sân trường.  - GV vẽ mô hình ngã tư đường.  Chủ đề nhánh: Bé tìm hiểu Luật giao thông. Ngày thứ ba  Hình ảnh minh họa  - GV đưa yêu cầu:   * Một bạn đóng làm cảnh sát giao thông có nhiệm vụ hướng dẫn và phát tín hiệu để người đi bộ sang đường. * Một số bạn đóng vai người đi xe cơ giới, đi bộ tham gia giao thông. * 4 bạn báo tín hiệu đèn giao thông.   - GV tổ chức cho hs thực hành.  - GV lần lượt thay đổi vai chú cảnh sát cho các bạn khác cùng thực hiện.  - GV quan sát và nhận xét, bổ sung.  => Đối với người tham gia giao thông, phải đi đúng làn đường, phần đường, vạch đường quy định…  - Người đi bộ phải đi lên hè hoặc sát làn đường, chờ tín hiệu đèn mới sang đường.  - Phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi sau mô tô xe máy.  - Chấp hành đúng theo hiệu lệnh hay tín hiệu đèn giao thông:  4. Hoạt động vận dụng.  - GV nhắc lại nội dung bài học cho hs ghi nhớ.  - Luôn luôn có thói quen chấp hành, thực hiện đúng luật giao thông đường bộ. Hình thành thói quen văn minh đô thị khi tham gia giao thông, học cách chờ đợi (chờ đèn xanh), biết cách nhường đường, rẽ phải đúng quy định.  - GV dặn dò hs về nhà học và ghi nhớ các quy tắc tham gia giao thông an toàn để tránh tai nạn xảy ra. Tuyên truyền để mọi người xung quanh cùng thực hiện.  ->An toàn giao thông là hạnh phúc của mỗi người, mỗi gia đình và toàn xã hội. | 1. Khởi động (2-3’)  - HS lắng nghe luật chơi.  - HS tích cực tham gia trò chơi.  2. Hoạt động hình thành kiến  thức mới.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS quan sát hình ảnh.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  - HS lắng nghe.  3. Hoạt động luyện tập.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát hình ảnh.  - HS lắng nghe.  - HS tham gia thực hành.  - HS lắng nghe và ghi nhớ.  4. Vận dụng.  - HS lắng nghe và ghi nhớ. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Thứ tư ngày 2 tháng 4 năm 2025*  Buổi sáng  Tiết 1: TIẾNG VIỆT 5  Bài đọc 2: Bài ca về trái đất  (1 tiết)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Thể hiện giọng đọc phù hợp với cảm xúc vui, tự hào của bài đọc. Tốc độ đọc khoảng 100 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn nửa đầu học kì II.  - Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài (*năm châu, khói hình nấm*, *bom H, bom A, hành tinh*)*.* Trả lời được các CH về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bài: Ca ngợi hoà bình, hữu nghị, kêu gọi mọi người đoàn kết chống chiến tranh, bảo vệ cuộc sống bình yên trên Trái Đất.  2.Năng lực chung :  - Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận), NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: trả lời các CH đọc hiểu bài).  3.Phẩm chất:  Giáo dục thái độ tôn trọng và có trách nhiệm bảo vệ môi trường sống.  \*QCN: Quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình. (Điều 26) (Liên hệ).  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  – GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu, tranh minh hoạ nội dung bài đọc.  – HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai; vở ô li hoặc vở bài tập.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG  - Giáo viên có thể cho học sinh nghe một bài hát về hòa bình như “Bài ca tiếng chuông và ngọn cờ” của nhạc sĩ Phạm Tuyên để khởi động.  - Giới thiệu bài: Giao nhiệm vụ: HS đọc tên bài và quan sát bức tranh minh hoạ trong bài.  - GV: *Hai bức tranh vẽ cảnh gì? Cảnh đó có ý nghĩa gì?*  - GV: Trái Đất là ngôi nhà chung của loài người. Để bảo vệ ngôi nhà chung ấy, mọi người không phân biệt dân tộc, màu da, cần đoàn kết, chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình. Hôm nay, cô (thầy) cùng các em đọc bài thơ *Bài ca Trái Đất* – một tác phẩm đặc sắc của nhà thơ Định Hải để tìm hiểu thông điệp về hoà bình đầy ý nghĩa nhé!  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu: - Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng.  – Hiểu nghĩa của các từ ngữ ít thông dụng được chú giải trong bài.  - Hiểu được nội dung và ý nghĩa của bài đọc  Hoạt động 1: Đọc thành tiếng  - Cách tiến hành:   * + - GV đọc mẫu bài thơ, giọng vui tươi và thể hiện tình cảm yêu mến, kết hợp giải nghĩa từ ngữ khó. Chú ý nghỉ hơi cuối dòng thơ hợp lí để các dòng thơ liền mạch về nghĩa, không bị ngắt quãng; nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ quan trọng.   VD: *Trái Đất này / là của chúng mình*; *Quả bóng xanh / bay giữa trời xanh // Bồ câu ơi, / tiếng chim gù thương mến // Hải âu ơi, / cánh chim vờn sóng biển // Cùng bay nào, / cho Trái Đất quay! // Cùng bay nào, / cho Trái Đất quay!*//  – Tổ chức cho HS luyện đọc:  + Chia nhóm 3, lần lượt mỗi học sinh đọc 1 đoạn thơ trong nhóm.  + HS lần lượt đọc nối tiếp các đoạn trong bài, giọng đọc phù hợp với nội dung câu chuyện:  + Đoạn 1 (từ đầu đến *... trái đất quay*): Đọc với giọng sôi nổi, vui vẻ.  + Đoạn 2 (từ *Trái đất trẻ...* đến *... cũng thơm*): Giọng đọc giọng tự hào, thiết tha, tình cảm.  + Đoạn 3 (Từ Khói ...đến... *hết*): Đọc với giọng rõ ràng nhấn giọng từ quan trọng.  + Cho học sinh luyện đọc một số từ khó.  + Cho một số nhóm đọc trước lớp.  Hoạt động 2: Đọc hiểu  - Cách tiến hành  - GV mời 4 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 4 câu hỏi:  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài. HS trả lời câu hỏi bằng trò chơi *Hỏi đáp trước lớp..*  - GV yêu cầu HS thực hiện trò chơi:  + Mỗi nhóm 2 bạn sẽ lên trước lớp. Bạn thứ nhất hởi câu 1, bạn thứ hai trả lời. Sau đó bạn thứ hai hỏi câu 2, bạn thứ nhất trả lời. Lần lượt như thế đến hết. Sau đó cho họ sinh nhận xét và nhóm khác tiếp tục.  *1-Qua những hình ảnh ở khổ thơ 1, em hình dung Trái Đất đẹp như thế nào?*  *2-Tìm những hình ảnh ở khổ thơ 2 khẳng định sự bình đẳng và tình hữu nghị giữa các dân tộc.*  *3-Em hiểu khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?*  *4-Chủ đề của bài thơ là gì?*  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Theo em nội dung bài đọc nói lên điều gì?*  - GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  - HS đọc diễn cảm bài đọc; ngắt nghỉ hơi đúng; nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng; thể hiện giọng đọc phù hợp, đọc thuộc bài và tập hát bài hát  Hoạt động 3: Đọc diễn cảm bài đọc  - Cách tiến hành:  – Chú ý hướng dẫn HS nghỉ hơi đúng, nhấn giọng từ ngữ quan trọng và thể hiện tình cảm, cảm xúc phù hợp khi đọc như hướng dẫn ở phần đọc mẫu của giáo viên.  - GV nhận xét việc đọc của HS.  D. HĐ VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  - GV nêu câu hỏi: *Em cần làm gì để bảo vệ trái đất?*  \*QCN: Quyền được bảo vệ, chung sống hòa bình. (Điều 26) (Liên hệ).  - Nêu những việc làm để bảo vệ trẻ em, chung sống hòa bình?  - GV chốt.  - GV nhận xét, khích lệ HS.  *- Dặn dò:*GV nhắc HS về nhà tập hát bài hát | - Học sinh hát theo ti vi   Học sinh quan sát thảo luận trả lời   + Tranh 1 (phía trên) vẽ trẻ em có màu da khác nhau nắm tay nhau xung quanh quả địa cầu thể hiện tình yêu Trái Đất, đoàn kết, cùng nhau bảo vệ Trái Đất.  + Tranh 2 (phía dưới) vẽ những bông hoa đẹp có màu sắc khác nhau dưới ánh Mặt Trời, thể hiện những vẻ đẹp đa dạng, minh hoạ ý khổ thơ 2.  Trái Đất này là của chúng mình  Quả bóng xanh bay giữa trời xanh  Bồ câu ơi, tiếng chim gù thương mến  Hải âu ơi, cánh chim vờn sóng biển  Cùng bay nào, cho Trái Đất quay!  Cùng bay nào, cho Trái Đất quay!  Trái Đất trẻ của bạn trẻ năm châu  Vàng, trắng, đen,... dù da khác màu  Ta là nụ, là hoa của đất  Gió đẫm hương thơm, nắng tô thắm sắc  Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm!  Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm!  Khói hình nấm là tai hoạ đấy  Bom H, bom A không phải bạn ta  Tiếng hát vui giữ bình yên Trái Đất  Tiếng cười ran cho Trái Đất không già  Hành tinh này là của chúng ta!  Hành tinh này là của chúng ta!  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.   - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.  - *Năm châu:* châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Đại Dương.   * *Khói hình nấm:* cột khói trông như cây nấm khổng lồ, sinh ra sau vụ nổ bom hạt nhân. * *Bom H*, *bom A*: các loại bom hạt nhân (thường gọi là bom khinh khí, bom nguyên tử), có sức sát thương và phá hoại lớn gấp nhiều lần bom thông thường. * *Hành tinh*: thiên thể không tự phát ra ánh sáng, quay xung quanh Mặt Trời hoặc một ngôi sao.   - Một số nhóm đọc to trước lớp theo yêu cầu của giáo viên. Các nhóm còn lại nhận xét bạn đọc.  - Học sinh phát hiện những từ khó đọc, thực hành luyện đọc từ khó.       - HS đọc nối tiếp 4 câu hỏi theo yêu cầu của GV.  1-Qua những hình ảnh ở khổ thơ 1, em hình dung Trái Đất đẹp như thế nào?  2-Tìm những hình ảnh ở khổ thơ 2 khẳng định sự bình đẳng và tình hữu nghị giữa các dân tộc.  3-Em hiểu khổ thơ cuối bài muốn nói điều gì?  4-Chủ đề của bài thơ là gì?    Khổ 1: Trát đất đẹp  .Quả bóng xanh, trời xanh, bồ câu – gù thương mến; hải âu – vờn sóng biển; bay nào   Trái đất có thiên nhiên ban tặng những điều trong lành và kỳ thú.  Khổ 2: Con người đẹp   Trái đất trẻ-Bạn trẻ Là nụ - là hoa của đất   Gió – nắng; đẫm hương thơm– tô thắm sắc  Hành tinh – năm châu  Vang trăng đen da khác màu – hoa nào cũng quý cũng thơm.  Khổ 3: Chiến tranh và hòa bình  Tai họa – tiếng hát – bình yên  Bom H, Bom A – tiếng cười ran – không già  (Hành tinh này là quà tặng tuyệt vời của thiên nhiên, chúng ta đừng gây chiến tranh hủy hoại nó, Hãy bảo vệ trái đất, bảo vệ môi trường, bảo vệ hòa bình)   - HS thi đọc diễn cảm nối tiếp theo nhóm.  - Các học sinh khác nhận xét bạn đọc.  – GV mời một số HS đọc nối tiếp từng đoạn trong bài đọc. Có thể cho các nhóm thi đọc diễn cảm với nhau.  - 2- 3 HS trình bày trước lớp.  Học sinh học thuộc lòng hai khổ thơ đầu.  - HS nêu ý kiến.  Học sinh nghe bài hát Trái đất này là của chúng mình và tập hát |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2: TIẾNG VIỆT 6  Luyện từ và câu: Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  Nhận biết biện pháp lặp trong đoạn văn, văn bản.   * Viết được đoạn văn có sử dụng biện pháp lặp.   2. Năng lực chung:  -Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết thảo luận nhóm để phát hiện biện pháp lặp trong văn bản), NL tự chủ và tự học (biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập).  3. Phẩm chất: Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm thông qua thực hiện nhiệm vụ học tập. Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên, tình yêu hoà bình thông qua các ngữ liệu bài tập.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  – GV chuẩn bị: Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập cho HS, đoạn văn bài tập  – HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai; *Vở bài tập* *Tiếng Việt 5*, tập hai hoặc vở viết.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:  – GV có thể cho HS chơi đối đáp như sau: Chia HS thành 2 nhóm:  Nhóm HS1 nói một câu về cảnh vật. Nhóm HS2 nói một câu về giao thông. Cho 4 cặp tạo 8 câu như thế. GV tổ chức ghép 2 câu của 2 nhóm với nhau, Giáo viên gợi mở giảng giải cho hs thấy các câu khó đứng gần nhau trong một đoạn văn. Các câu trong một đoạn văn gần nhau phải có sự liên kết  – GV giới thiệu bài: Trong một đoạn văn, bài văn, các câu không đứng rời rạc mà phải liên kết với nhau. Từ hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em tìm hiểu một số cách liên kết câu để các em viết đoạn văn, bài văn hay hơn nhé!  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu: - Giúp học sinh nhận diện ra hiện tượng lặp từ để liên kết câu, phân biệt lặp từ để liên kết và lặp từ để nhấn mạnh, học thuộc bài học. Bước đâu biết tạo đoạn văn 2 câu có sự liên kết bằng cách lặp từ.  Hoạt động 1: Tìm hiểu về biện pháp lặp từ để liên kết câu trong một đoạn văn  Cách tiến hành:  – GV mời 1 HS Đọc đoạn văn phần nhận xét SGK và trả lời câu hỏi:  Tìm những từ ngữ được lặp lại trong đoạn văn trên.  Việc lặp lại các từ ngữ ấy có tác dụng gì?   * GV nhận xét, nêu đáp án đúng:   + Các từ được lặp lại là: Đại hội, chim bồ câu.  + Câu 2 lặp lại “Đại hội” để liên kết với câu 1.  + Câu 3 lặp lại “chim bồ câu” để liên kết với câu 2  Giáo viên khuyến khích hs cho ví dụ ngoài sgk  Hoạt động 2: Rút ra bài học  Cách tiến hành:   * GV tổ chức cho HS trình bày kiến thức cần ghi nhớ vừa rút ra từ phần Nhận xét. * GV giải thích kĩ hơn về nội dung của bài học; có thể giúp HS phân biệt rõ biện pháp lặp và điệp từ ngữ:   + Nếu các từ được lặp lại nhằm mục đích nhấn mạnh thì đó là điệp từ, điệp ngữ.  + Nếu các từ được lặp lại ở các câu đứng cạnh nhau hoặc gần nhau để liên kết câu, đoạn thì đó là biện pháp lặp.   * GV có thể yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, nhắc lại thông tin chính để khắc sâu nội dung bài học. * GV mời vài HS nhắc lại cho cả lớp nghe định nghĩa biện pháp lặp.   C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  - Luyện tập tìm nhận diện các hiện tượng lặp từ trong đoạn văn để liên kết câu, dùng biện pháp lặp từ để liên kết câu bằng cách tìm từ điền vào chỗ trống.  Hoạt động 3: Tìm từ được lặp lại trong đoạn văn để liên kết câu  Cách tiến hành:  - Giáo viên cho học sinh đọc yêu cầu bài tập 1 trong phần Luyện tập SGK  - GV cho học sinh làm việc nhóm đôi để tìm ra các từ lặp lại để liên kết câu trong bài tập.  - GV nhận xét; hướng dẫn HS sửa BT (nếu cần).  Đáp án: Các từ lặp để liên kết câu: tôi, cánh buồm, cánh, màu, màu áo.  Giáo viên cho HS đọc yêu cầu bài tập 2.  Chọn từ ngữ phù hợp với mỗi kí hiệu để liên kết các câu trong đoạn văn (BT 2)  - GV cho học sinh làm việc trong 3 nhóm mỗi nhóm có 6 bạn, thảo luận bài tập. Sau đó mỗi thành viên đọc 1 câu, 6 thành viên đọc hết 6 câu trong bài tập. Nhóm nào đọc to, rõ ràng, đúng và trả lời được câu hỏi bỏ sung của lớp thành công sẽ thăng cuộc  GV mời 1 – 2 HS trả lời CH trước lớp.  Đáp án: câu (2): nắng; câu (3): nắng; câu (4): hoa; câu (5): nắng, hoa; câu (6): hoa, nắng.  - GV: cho học sinh nêu lại bài học.  D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:  - GV hỏi: Bài học hôm nay giúp các em biết được điều gì?  - Điều đó giúp em việc gì?  Ngoài biện pháp lặp từ còn có biện pháp nào khác để liên kết câu trong đoạn văn nữa không? (các em tìm hiểu bài sau)  - Học sinh về nhà tìm thêm những đoạn văn có dùng biện pháp lặp để liên kết câu chuẩn bị chia sẻ trước lớp vào tiết sau. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng dẫn của giáo viên.  Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  Năm 1949, Đại hội Nhân dân thế giới bảo vệ hoà bình được tổ chức ở Pa-ri - thủ đô nước Pháp. Bức tranh chim bồ câu của hoạ sĩ nổi tiếng Pi-cát-xô gửi tặng được trân trọng treo trong hội trường và in trên áp phích của Đại hội. Từ đó, chim bồ câu được coi là loài chim tượng trưng cho hoà bình.  Theo TRUNG ANH  1 – 2 HS đọc BT ở phần Nhận xét*.*  HS thảo luận nhóm đôi.  Một số nhóm báo kết quả; các HS khác nêu ý kiến.  .  Bài học  1-Các câu trong một đoạn văn, bài văn cần liên kết với nhau.  2-Để liên kết một câu với câu đứng trước nó, ta có thể lặp lại một hoặc một vài từ ngữ ở câu trước.  3-Cách liên kết đó được gọi là biện pháp lặp.  Tìm những từ ngữ được lặp lại để liên kết câu trong đoạn văn sau:  Tôi yêu con sông vì nhiều lẽ, trong đó một hình ảnh tôi cho là đẹp nhất, đó là những cánh buồm. Có những ngày nắng đẹp trời trong, những cánh buồm xuôi ngược giữa dòng sông phẳng lặng. Có cánh màu nâu như màu áo của mẹ tôi. Có cánh màu trắng như màu áo của chị tôi. Có cánh màu xám bạc như màu áo bố tôi suốt ngày vất vả trên cánh đồng. Những cánh buồm đi như rong chơi, nhưng thực ra nó đang đẩy con thuyền chở đầy hàng hoá.  Theo BĂNG SƠN  GV mời HS đọc lại đoạn văn trong SGK.  GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm 6 bạn (để nhận định và đọc hoàn chỉnh đoạn văn)  Đáp án: câu (2): nắng; câu (3): nắng; câu (4): hoa; câu (5): nắng, hoa; câu (6): hoa, nắng.  BT2: Chọn từ ngữ phù hợp với mỗi kí hiệu \* để liên kết các câu trong đoạn văn dưới đây:  Mùa hè, Mặt Trời rắc những sợi nắng vàng rực rỡ xuống không gian. Tia \* nhỏ cùng các bạn vô cùng thích thú chạy nhảy khắp nơi. \* tràn vào vườn hoa. Muôn \* bừng nở. \* nhuộm cho những cánh \* thành muôn màu rực rỡ. Những bông \* rung rinh như vẫy chào \* sớm.  *Theo NGUYỄN HẢI VÂN*  - Cho một số học sinh chia sẻ trước lớp bài về bài học |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3: TOÁN  Luyện tập  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Năng lực *tư duy và lập luận toán học*: HS tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau và vận dụng giải quyết vấn đề trong một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan; ước lượng vận tốc của một số chuyển động trong thực tế.  - Năng lực *mô hình hoá toán học*: Biết cách tính vận tốc; nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc.  - Năng lực *giải quyết vấn đề toán học*: Củng cố kĩ năng tính vận tốc của một chuyển động đều; thực hành tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau; vận dụng để giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến vận tốc.  - Năng lực *giao tiếp toán học*: HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả các đơn vị đo vận tốc phù hợp với những tình huống cụ thể; diễn tả suy nghĩ, chia sẻ, trao đổi trong nhóm.  2. Năng lực chung:  -Phát triển năng lực *tự chủ và tự học*, *giao tiếp và hợp tác*, *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua việc khuyến khích học sinh tự học, tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.  3. Phẩm chất:  -Phát triển phẩm chất: *chăm chỉ* trong tính toán và làm bài; *trung thực* trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; *trách nhiệm* khi tham gia hoạt động nhóm; *yêu nước:* có ý thức xây dựng đất nước khi làm bài tập 3  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Giáo viên: Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; SGK, SGV Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều; Một số thông tin liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian trong thực tế.  - Học sinh: Bảng con; SGK; Vở Bài tập Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: | | | - GV tổ chức cho HS chơi Trò chơi *Phỏng vấn* theo bàn: Nhắc lại cách tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau.  + Cho 2 HS cùng bàn hỏi – đáp nhau về các kiến thức về vận tốc đã học tiết trước trong thời gian 3 phút  + Hết thời gian, GV gọi đại diện 1 vài cặp lên trước lớp để Phỏng vấn nhau về các câu hỏi đã thảo luận    - GV nhận xét xem các tình huống HS đưa ra có phù hợp với các đơn vị vận tốc không.  - GV giới thiệu bài: Qua trò chơi, cô nhận thấy: các em đã ôn tập và tìm hiểu cách tính vận tốc của một số chuyển động trong thực tế theo các đơn vị đo khác nhau. Tiết học hôm nay sẽ giúp các em củng cố kĩ năng tính vận tốc của một chuyển động đều; rèn kĩ năng thực hành tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau; vận dụng để giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến vận tốc qua bài Luyện tập (trang 60, 61) | - Học sinh chơi trò chơi *Phỏng vấn* theo hướng dẫn của GV.  \* Ví dụ: 1 nhóm đôi HS lên Phỏng vấn:  +HS1 hỏi: Theo bạn, một ô tô đi được 53 km trong một giờ thì vận tốc của ô tô đó là bao nhiêu km/h?  +HS2 trả lời: Vận tốc của ô tô đó là 53 km/h  +HS2 hỏi: Toàn bơi 576 m hết 12 phút. Tính vận tốc bơi của Toàn theo m/phút.  +HS1 trả lời: Vận tốc bơi của Toàn là 576 : 12 = 48 m/phút.  - HS nhóm khác đặt câu hỏi khác, nhận xét  (như viết kí hiệu và công thức tính vận tốc, …)  - HS lắng nghe     - HS lắng nghe | | B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP:  Mục tiêu: HS làm được Bài tập 1, 2/trang 60: biết cách tính vận tốc (lấy quãng đường đi được chia cho thời gian trong một chuyển động đều); nắm công thức, rèn kĩ năng thực hành tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau; củng cố kĩ năng vận dụng công thức tính vận tốc để giải to | | | \* Bài 1:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    - GV hỏi: Muốn tính vận tốc, ta làm thế nào?    - GV hỏi: Ở bài tập này, chúng ta lưu ý điều gì?  - GV: Các em nhớ phải làm thế nào để đơn vị của quãng đường và thời gian tương ứng với đơn vị vận tốc thì khi tính vận tốc mới được kết quả mới đúng.  - GV yêu cầu HS tiến hành làm bài tập 1 vào vở, 3 HS làm bảng lớp  + GV hỏi ở hàng Chim đại bàng: Vì sao em tính được vận tốc của chim đại bàng là 96 km/h?  (Hoặc Em có nhận xét gì về đơn vị của quãng đường đi của chim đại bàng với đơn vị vận tốc bay của chim?)  + GV hỏi ở hàng Ốc sên : Em làm thế nào để tính vận tốc của ốc sên?  + Hỏi tương tự với Cá heo    - GV nhận xét, chốt đáp án đúng  - GV hỏi: Nhìn vào bảng vận tốc của bài tập 1, em có nhận xét gì về chuyển động của các con vật?  \* Bài 2:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 2  - GV hỏi: Bài toán cho biết gì?  - GV hỏi: Bài toán hỏi gì?    - GV hỏi: + Muốn tính quãng đường xe máy đó đi được trong 1 phút, ta làm thế nào?  + Muốn tính quãng đường xe máy đó đi được trong 1 giờ, ta làm thế nào?        + Đơn vị của quãng đường là gì?    - GV yêu cầu HS tiến hành làm bài tập 2 vào vở, 1 HS làm bảng lớp          - GV hỏi: Vì sao vận tốc của xe máy là 30 km/h?  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. | *-* HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS trả lời: Tính và điền vận tốc vào các ô trống  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian.  - HS trả lời: Chú ý đơn vị của cột vận tốc  - HS lắng nghe  - HS làm bài vào vở, 3 HS làm bảng lớp, trả lời các câu hỏi của GV  + Chim đại bàng:  Đổi 96 000 m = 96 km  Chim đại bàng: 96 km/h      + Ốc sên: 3,6 : 30 = 0,12 m/phút    + Cá heo: 200 : 10 = 20 m/giây  - HS nhận xét bài làm của bạn  - HS lắng nghe  - HS trả lời: Đại bàng bay rất nhanh.  Ốc sên bò rất chậm.  - HS đọc yêu cầu bài 2  - HS trả lời: Một xe máy đi được 7,5 km trong vòng 15 phút.  - HS trả lời: a) Tính quãng đường xe máy đó đi được trong 1 phút, trong 1 giờ.  b) Tính vận tốc của xe máy đó theo ki - lô - mét trên giờ (km/h)  + HS trả lời: Ta lấy 7,5 : 15  + HS trả lời: Ta đổi 15 phút = giờ = giờ  Ta lấy 7,5 : tức là 7,5 x 4  (Hoặc vì 1 giờ = 60 phút nên muốn tính quãng đường xe máy đó đi được trong 1 giờ ta lấy quãng đường xe máy đó đi được trong 1 phút vừa tính nhân với 60)  + HS trả lời: Đơn vị của quãng đường là km  - HS làm bài vào vở, 1 HS làm bảng lớp, trả lời các câu hỏi của GV  Bài giải:  a) Quãng đường xe máy đó đi được:  + Trong 1 phút: 7,5 : 15 = 0,5 (km)  + Trong 1 giờ: Ta đổi 15 phút = giờ = giờ - Ta lấy 7,5 : = 30 (km)  (Hoặc a) Quãng đường xe máy đó đi được:  + Trong 1 phút: 7,5 : 15 = 0,5 (km)  + Trong 1 giờ: Vì 1 giờ = 60 phút  Ta lấy: 0,5 x 60 = 30 (km))  b) Vận tốc của xe máy đó theo ki - lô - mét trên giờ là 30 km/h.  Đáp số: a) Quãng đường xe máy đó đi được trong 1 phút là 0,5 km; trong 1 giờ là 30 km  b) Vận tốc của xe máy: 30 km/h  - HS trả lời: Vì quãng đường xe máy đi được trong 1 giờ là 30 km, cũng chính là vận tốc của xe máy là 30 km/h.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe. | | C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  Mục tiêu:  - HS làm được Bài tập 3/trang 61: củng cố kĩ năng vận dụng công thức tính vận tốc để giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến vận tốc.  - HS liên hệ có ý thức xây dựng đất nước. | | | \* Bài 3:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV hỏi: Bài toán cho biết gì?    - GV chiếu ảnh, giới thiệu: Đường sắt Bắc - Nam (hay đường sắt Thống Nhất) là tuyến đường sắt bắt đầu từ Thủ đô Hà Nội và kết thúc tại Thành phố Hồ Chí Minh với tổng chiều dài 1 726 km  - GV hỏi: Bài toán hỏi gì?      - GV hỏi: Muốn tính vận tốc, ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, làm bài 3 vào PHT, sau đó lên bảng trình bày  - GV có thể hỏi HS cách làm tròn đến hàng đơn vị đối với vận tốc tại một thời điểm.      - GV nhận xét, chốt ý đúng: Cứ sau khoảng 10 năm thì vận tốc của tàu tăng khoảng 20 km/h. Điều này nói lên Nhà nước đã có những khoản đầu tư rất lớn cho đường sắt Thống Nhất về cơ sở vật chất (nhà ga, bến bãi, toa xe,...), trang thiết bị kĩ thuật và trình độ nhân lực vận hành, điều khiển tuyến đường.  - GV liên hệ về việc học tập của HS để sau này xây dựng đất nước.  *\* Củng cố:*  - GV hỏi: Tiết học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì? Em cần lưu ý những gì?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau để hôm sau lên chia sẻ với các bạn; nắm công thức tính vận tốc và một số đơn vị đo vận tốc; chuẩn bị bài sau: *Bài 74: Quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 1).* | *-* HS đọc yêu cầu bài 3.  - HS trả lời: Đường sắt Bắc – Nam dài 1 726 km và thời gian tàu Thống Nhất chạy tại một số thời điểm.  - HS quan sát, lắng nghe  - HS trả lời: a) Tính vận tốc của tàu Thống Nhất tại các thời điểm (với kết quả được làm tròn đến hàng đơn vị).  b) Nhận xét về sự thay đổi vận tốc của tàu Thống Nhất theo thời gian.  - HS trả lời: Muốn tính vận tốc, ta lấy quãng đường chia cho thời gian.  - HS thảo luận nhóm 4, làm bài 3 vào PHT, sau đó lên bảng trình bày  a) Vận tốc của tàu Thống Nhất tại các thời điểm:  + Ngày 31/12/1976: 1726 : 72 => 24 km/h  + Ngày 19/5/1989: 1726 : 52 => 33 km/h  + Ngày 19/5/1999: 1726 : 32 => 54 km/h  + Từ năm 2019 đến 2023: 1726 : 24 => 72 km/h  b) Nhận xét: Càng về sau thì vận tốc của tàu lại tăng lên. Do nước ta đã đầu tư cho đường sắt và tàu Thống Nhất về cơ sở vật chất hiện đại.  - HS các nhóm khác nhận xét  - HS lắng nghe  - HS liên hệ  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ  Bài 20 : Các châu lục và đại dương thế giới ( Tiết 2)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1.Năng lực đặc thù:  - Xác định được vị trí địa lí của các châu lục và, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả địa cầu.  - Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan,…) của các châu lục.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.  2.Năng lực chung:  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Chủ động trao đổi, thảo luận, trả lời các câu hỏi, tìm nội dung bài qua các hoạt động nhóm đôi, nhóm bốn và trình bày trước lớp  *- Năng lực tự chủ và tự học:* Tự giác đọc bài và trả lời câu hỏi.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm hiểu, trả lời câu hỏi và nêu ra được các ý kiến thắc mắc.  3.Phẩm chất:  *- Phẩm chất nhân ái:* Giúp đỡ bạn bè trong quá trình học tập, yêu thương mọi người xung quanh.  *- Phẩm chất trách nhiệm:* nghiêm túc, lắng nghe và chú ý khi học tập, hình thành lối sống có trách nhiệm với cộng đồng. Có ý thức tìm hiểu về thế giới xung quanh.  - *Phẩm chất chăm chỉ*: hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Quả địa cầu.  - Bản đồ các châu lục trên thế giới, bản đồ tự nhiên thế giới hoặc bản đồ tự nhiên của các châu lục.  - Tranh ảnh về thiên nhiên của các châu lục.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG  1. Trò chơi khởi động: “Ai nhanh – Ai đúng”  GV tiến hành cho cả lớp chơi trò chơi: Gồm có 11 mảnh ghép của 6 châu lục và 5 đại dương. Lớp chia thành nhóm 6, tiến hành ghép để xác định được vị trí địa lí của các châu lục và đại dương.  GV phổ biến luật chơi, trò chơi và cách chơi.  GV quan sát, giúp đỡ HS  GV nhận xét, tuyên dương  2. Hoạt động kết nối:  Thông qua trò chơi chúng ta đã biết được vị trí của các châu lục cũng như các đại dương. Vậy các châu lục có đặc điểm gì? Làm sao để phân biệt được các châu lục với nhau? Chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay nhé !  GV ghi tên bài: Các châu lục và đại dương thế giới  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC  Mục tiêu:  - Xác định được vị trí địa lí của các châu lục và, một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn của thế giới trên bản đồ, lược đồ hoặc quả địa cầu.  - Nêu và so sánh được một số đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan,…) của các châu lục.  Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên châu Á.  Cách tiến hành:  -Làm việc theo bàn, thông tin trong SGK và nêu một số đặc điểm tự nhiên của Châu Á kết hợp với hình ảnh đã chuẩn bị ở nhà.  GV nhận xét, tuyên dương  GV kết luận, giới thiệu video về Châu Á.  <https://www.youtube.com/watch?v=fbaJHAcqiOs>  Em biết gì về dãy núi Hi – ma – lay – a ?  GV nhận xét, tuyên dương. Chỉ trên quả địa cầu dãy núi  GV giới thiệu hình ảnh và video về dãy núi Hi - ma – lay – a  Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm châu Đại Dương, châu Nam Cực  - Cách tiến hành  GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  -GV nhận xét và kết luận  -GV giới thiệu về hình ảnh chuột túi ở Châu đại dương và Chim cánh cụt ở châu Nam cực.  Hoạt động 3: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên Châu Âu  Cách tiến hành:  -Làm việc theo bàn, thông tin trong SGK và nêu một số đặc điểm tự nhiên của Châu Âu kết hợp với hình ảnh đã chuẩn bị ở nhà.  GV nhận xét, tuyên dương  GV kết luận, giới thiệu video về Châu Âu  Hoạt động 4: Tìm hiểu về đặc điểm châu Phi và châu Mỹ  - Cách tiến hành  GV quan sát, hỗ trợ các nhóm  -GV nhận xét và kết luận  C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  - Nhận biết đặc điểm tiêu biểu của các châu lục.  Hoạt động 3:  - Cách tiến hành:  Trò chơi “Châu lục em yêu” : mỗi HS chọn 1 châu lục mà mình yêu thích nhất và giải thích lý do, hình ảnh kèm theo.  GV giới thiệu trò chơi, luật chơi. Thời gian chuẩn bị là 2 phút. Lưu ý HS cách chỉ trên quả địa cầu khi tham gia thuyết trình  GV quan sát, khuyến khích HS trình bày suy nghĩ của mình  GV nhận xét, tuyên dương.  D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  \* Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  Cách tiến hành:  - GV nêu câu hỏi: *Em biết được điều gì sau khi học bài đọc hôm nay?*  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  \* Củng cố, dặn dò:  + GV nhân xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *- Dặn dò:*GV nhắc HS về nhà xác định vị trí châu lục và đại dương trên bản đồ hoặc lược đồ cho người thân trong gia đình | HS tham gia trò chơi hào hứng  HS nhận xét, bổ sung  HS lắng nghe nhắc lại vị trí của các  đại dương và châu lục  Châu lục: Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Đại dương, Châu Nam Cực.  Đại dương: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương, Nam Đại Dương, Đại Tây Dương.    HS lắng nghe  HS đọc nối tiếp tên bài và ghi vào vở            Thảo luận theo bàn, xác định vị trí  của Châu Á và ghi các đặc điểm của  châu Á kèm theo hình ảnh mà mình  đã sưu tầm ở nhà.  Đại diện các nhóm lên trình bày  Châu Á có ¾ diện tích là núi và cao  nguyên, có dãy Hi – ma – lay – a  cao, đồ sộ với đỉnh Ê – vơ – rét cao  nhất thế giới, nhiều đồng bằng rộng  lớn, có đủ các đới khí hậu, nhiều  sông lớn, thảm thực vật đa dạng.  Nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  HS lắng nghe  HS đọc lại kết luận  HS quan sát và lắng nghe  Dãy Hi – ma – lay – a còn có tên gọi hác là Hy Mã Lạp Sơn, là một dãy núi ở  châu Á trải dài qua 7 quốc gia gồm  Trung Quốc, Bu tan , Ấn Độ, Nê Pan, Oa ki xtan, Mi - an – ma, Áp – ga – ni – xtan. Núi Hi – ma - lay – a được mệnh  danh là dãy núi cao nhất thế giới.  Trong đó ghi tên 12 đỉnh núi cao nhất hành tinh, bao gồm cả đỉnh Ê – vơ – rét  lừng danh, nơi đây cũng là thượng  nguồn của 3 hệ thống sông lớn trên  thế giới, điển hình như sông Ấn,  sông Hằng và sông Trường Giang.  Đỉnh Ê – vơ – rét nằm ở giữa biên  giới nước Nê – pan và vùng tự trị  Tây Tạng (Trung Quốc) . Với độ cao 8 848m trên mực nước biển, đỉnh  Ê – vơ – rét được ghi nhận là đỉnh  núi cao nhất thế giới. Điều đó đã  khiến đỉnh Ê – vơ – rét cũng như dãy núi Hi – ma – lay -a được nhiều người  biết đến và đón hàng nghìn khách du lịch từ khắp mọi miền trên thế giới đến tham quan.  HS nhận xét, bổ sung  HS quan sát và 5-7HS chỉ trên quả địa cầu.  HS lắng nghe  -HS xác định vị trí của châu Đại  dương và châu Nam cực. Đây là hai  châu lục có vị trí địa lí chủ yếu ở bán cầu Nam  Thảo luận theo nhóm 4, điền vào  bảng nhóm về thông tin và hình ảnh của hai châu lục  Các nhóm lên trình bày  -Châu Đại dương bao gồm lục địa  Ô – xtray – li -a và các đảo, quần  đảo ở vùng trung tâm và tây nam  Thái Bình Dương. Lục địa Ô –  xtray – li – a gồm ba khu vực địa  hình chính: núi, cao nguyên và vùng đất thấp. Khí hậu khô hạn là chủ yếu. Ít  sông, hồ. Phần lớn diện tích lục địa  là hoang mạc và xa – van . Sinh vật  có nhiều loài độc đáo. Phần lớn các  đảo, quần đảo có khí hậu nóng ẩm,  có rừng rậm hoặc rừng dừa bao phủ.  - châu Nam cực: nằm chủ yếu trong  vòng cực Nam. Đại bộ phận lãnh thổ bị băng bao phủ. Là châu lục lạnh nhất  thế giới, nhiệt độ quanh năm là 0o C. Thực vật rất nghèo nàn, chỉ có rêu và địa y mọc ở các ốc đảo vào mùa hạ,động vật tiêu  biểu nhất nơi đây là chim cánh cụt.  Nhóm khác nhận xét và bổ sung  HS lắng nghe, chỉ vị trí của hai châu  lục trên quả địa cầu  HS đọc lại kết luận so sánh hai châu  lục và tìm ra đặc điểm tiêu biểu của  hai châu lục  HS quan sát  HS tiến hành làm việc theo nhóm  Đại diện các nhóm tiến hành trình bày  Châu Âu có địa hình đồng bằng là  chủ yếu, phần lớn các dãy núi có độ  cao trung bình và thấp. An – pơ là  dãy núi cao, đồ sộ nhất châu lục, đồ  sộ nhất lục, chủ yếu có khí hậu ôn  hòa với bốn mùa rõ rệt, có nhiều  sông nhưng ít sông lớn. Thảm thực  vật chủ yếu là rừng lá kim và rừng lá rộng  Nhóm khác nhận xét, bổ sung  HS lắng nghe và chỉ trên quả địa cầu dãy núi u – ran, an – pơ, các đồng bằng Đông Âu và Bắc Âu.  -HS xác định vị trí của châu Phi và  châu Mỹ. Đây là hai châu lục có vị  trí địa lí nằm ở cả ban cầu Bắc và bán cầu Nam  Thảo luận theo nhóm 4, điền vào  bảng nhóm về thông tin và hình ảnh  của hai châu lục  Các nhóm lên trình bày  + Châu Phi có địa hình tương đối cao, toàn bộ châu lục như một cao nguyên  khổng lồ trên đó các các bồn địa lớn. Khí hậu nóng và khô bậc nhất thế giới. Ít sông, nhưng có sống nin dài nổi tiếng thế  giới, Hoang mạc và xa – van là  những cảnh quan thiên nhiên phổ biến. Xa – ha – ra là hoang mạc lớn nhất thế giới  + Châu Mỹ địa hình có ba khu vực rõ rệt: núi cao , đồng bằng, núi thaaos và  cao nguyên, có hệ thống núi Cooc  – đi – e và dãy An – đét là cao, đồ sộ, đồng bằng A – ma – dôn là đồng bằng  rộng và bằng phẳng trên thế giới. Có  đủ các đới khí hậu, nhiều sông hồ,  hai hệ thông sông Mi – xi – xi – pi và A – ma – dôn lớn bậc nhất thế giới. Thiên Nhiên đa dạng, có rừng nhiệt đới A – ma –  dôn lớn nhất thế giới.  Nhóm khác nhận xét và bổ sung  HS lắng nghe, chỉ vị trí của hai châu  lục trên quả địa cầu.  HS đọc lại kết luận so sánh hai châu  lục và tìm ra đặc điểm tiêu biểu của  hai châu lụ  -HS lắng nghe và tham gia trò chơi hào hứng  -7-8HS lên trình bày kết quả mà mình đã chuẩn bị  +VD: Em yêu thích nhất là Châu Á. Đây là nơi em sinh ra và lớn lên, bên cạnh đó Châu Á còn có dãy núi Hi – ma – lay – a đồ sộ nơi được gọi là nóc nhà của thế giới, ….  -HS nhận xét, bình chọn HS thuyết trình hay nhất và hấp dẫn nhất.  -HS lắng nghe.  -HS trình bày suy nghĩa của mình.  -HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Buổi chiều  Tiết 2: Lịch sử - Địa lý  TÌM HIỂU THẾ GIỚI.  BÀI 20 : CÁC CHÂU LỤC VÀ ĐẠI DƯƠNG THẾ GIỚI ( TIẾT 3)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT  1. Năng lực đặc thù  - Xác định được vị trí của các đại dương trên lược đồ hoặc bản đồ.  - Xác định được mỗi đại dương tiếp giáp với châu lục và đại dương nào.  - So sánh được diện tích, độ sâu trung bình của các đại dương.  - Rèn luyện kĩ năng quan sát và sử dụng bản đồ, các tư liệu có liên quan, qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.  2. Năng lực chung  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Chủ động trao đổi, thảo luận, trả lời các câu hỏi, tìm nội dung bài qua các hoạt động nhóm đôi, nhóm bốn và trình bày trước lớp  *- Năng lực tự chủ và tự học:* Tự giác đọc bài và trả lời câu hỏi.  *- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua tìm hiểu, trả lời câu hỏi và nêu ra được các ý kiến thắc mắc.  3. Phẩm chất chủ yếu  *- Phẩm chất nhân ái:* Giúp đỡ bạn bè trong quá trình học tập, yêu thương mọi người xung quanh.  *- Phẩm chất trách nhiệm:* nghiêm túc, lắng nghe và chú ý khi học tập, hình thành lối sống có trách nhiệm với cộng đồng. Có ý thức tìm hiểu về thế giới xung quanh.  - *Phẩm chất chăm chỉ*: hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tim hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC  - Quả địa cầu.  - Bản đồ các châu lục trên thế giới, bản đồ tự nhiên thế giới hoặc bản đồ tự nhiên của các châu lục.  - Tranh ảnh về thiên nhiên của các châu lục.  III. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**   |  |  | | --- | --- | | ****HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN**** | ****HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH**** | | **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  **1. Trò chơi khởi động: “Ai nhanh – Ai đúng”**  GV tiến hành cho cả lớp chơi trò chơi: Gồm có 11 mảnh ghép của 6 châu lục và 5 đại dương. Lớp chia thành nhóm 6, tiến hành ghép để xác định được vị trí địa lí của các châu lục và đại dương.  GV phổ biến luật chơi, trò chơi và cách chơi.  GV quan sát, giúp đỡ HS  GV nhận xét, tuyên dương  **2. Hoạt động kết nối:**  Thông qua trò chơi chúng ta đã biết được vị trí của các châu lục cũng như các đại dương. Vậy các đại dương có đặc điểm gì? Chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay nhé !  GV ghi tên bài: **Các châu lục và đại dương thế giới**  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC**  **Mục tiêu:**  - Xác định được vị trí của các đại dương trên lược đồ hoặc bản đồ.  - Xác định được mỗi đại dương tiếp giáp với châu lục và đại dương nào.  - So sánh được diện tích, độ sâu trung bình của các đại dương.  **Hoạt động 1: Vị trí địa lí của các đại dương trên quả địa cầu**  **Cách tiến hành:**  **GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 để xác định vị trí**  **GV theo dõi, giúp đỡ HS.**  **GV nhận xét, tuyên dương HS**  **\*HS đọc thông tin phần em có biết**  **-GV giới thiệu video về các đại dương trên thế giới**  <https://www.youtube.com/watch?v=QS2Du4gJKT0>  ****Hoạt động 2: Đặc điểm của các đại dương****  **- Cách tiến hành**  Tiến hành trò chơi: “ Nhớ nhanh – Nhớ giỏi ” : Gồm có các mảnh ghép về diện tích và độ sâu trung bình của các đại dương, sắp xếp các mảnh ghép sao cho đúng với diện tích và độ sâu trung bình của các đại dương.  GV phổ biến luật chơi, trò chơi và cách chơi.  GV quan sát, giúp đỡ HS  GV nhận xét, tuyên dương  + Em có nhận xét gì về các đại dương trên thế giới ?  -GV nhận xét và kết luận  **C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM**  **\* Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  **Cách tiến hành:**  - GV nêu câu hỏi: Em biết được điều gì sau khi học bài đọc hôm nay?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  **\* Củng cố, dặn dò**  + GV nhân xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Dặn dò: GV nhắc HS về nhà xác định vị trí châu lục và đại dương trên bản đồ hoặc lược đồ cho người thân trong gia đình | HS tham gia trò chơi hào hứng, sôi nổi  HS nhận xét, bổ sung  HS lắng nghe nhắc lại vị trí của các đại dương và châu lục   * Châu lục: Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Đại dương, Châu Nam Cực. * Đại dương: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương, Nam Đại Dương, Đại Tây Dương.     HS lắng nghe  HS đọc nối tiếp tên bài và ghi vào vở        HS quan sát  Thảo luận theo nhóm 4, xác định vị trí của các đại dương trên quả địa cầu.  Đại diện các nhóm lên trình bày  Trên thế giới gồm có 5 đại dương: Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Nam Đại Dương,… các đại dương đều có diện tích lớn và thông với nhau.  Nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu có)  HS lắng nghe  HS quan sát  -HS đọc bảng 1. Diện tích và độ sau trung bình của các đại dương. Cùng nhau đọc và ghi nhớ theo bàn, trong thời gian 3 phút   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đại dương | Diện tích (triệu km2 ) | Độ sâu trung bình (m) | | Ấn Độ Dương | 70,6 | 3741 | | Bắc Băng Dương | 14,1 | 987 | | Đại Tây Dương | 106,4 | 3338 | | Thái Bình Dương | 165,3 | 4280 | | Nam Đại Dương | 22,0 | 3270 |   (nguồn: Liên hợp quốc năm 2022)  HS tham gia trò chơi sôi nổi, hào hứng.  Nhóm khác nhận xét và bổ sung  HS lắng nghe.  Trên Trái Đất có 5 đại dương: Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương,  Thái Bình Dương. Các đại dương khác nhau về diện tích và độ sâu trung bình. Trong đó, dại dương có diện tích lớn nhất và độ sâu trung bình sâu nhất là Thái Bình Dương. Đại Dương có diện tích nhỏ nhất và độ sâu trung bình nông nhất là Bắc Băng Dương.  HS khác nhận xét, bổ sung  HS lắng nghe  HS đọc lại kết luận  HS trình bày  + Gần Thái Bình Dương Nhất  + 6-7HS lên bản đồ và chỉ Thái Bình Dương và Việt Nam  -HS nhận xét, bổ sung  -HS lắng nghe  HS trình bày  HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3: TOÁN TĂNG  Luyện tập về vận tốc  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1.Năng lực đặc thù:  - Củng cố khái niệm về vận tốc, đơn vị đo vận tốc. Nắm được cách tính vận tốc của 1 chuyển động đều.  - Rèn kĩ năng tính vận tốc của một chuyển động với đơn vị đo của vận tốc chính xác.  2.Năng lực chung:  -Học sinh phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc tự đánh giá và điều chỉnh cách học, sử dụng ngôn ngữ toán học để trao đổi, làm việc nhóm, vận dụng phép tính vào thực tế và tìm ra nhiều cách giải quyết bài toán khác nhau.  3.Phẩm chất:  - Học sinh tích cực suy nghĩ, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập. Luôn lắng nghe, nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ. Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Máy tính, tivi, giáo án điện tử.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:   |  |  | | --- | --- | | 1. Khởi động:  - Tham gia 1 trò chơi “ Tham gia giao thông”. Luật chơi như sau: các em sẽ đóng vai là các phương tiện giao thông (xe đạp, ô tô, xe máy...) Khi gặp đèn giao thông mà màu xanh thì các bạn vòng tay đi đi zin zín zín, đèn vàng thì đi chậm và đèn đỏ thì các bạn hô kít nhé.  *Chốt:*  *+*  Nêu công thức và quy tắc tính vận tốc ?  GV: Vận tốc là để chỉ rõ sự nhanh chậm của một chuyển động trong một đơn vị thời gian. Đơn vị của vận tốc có thể là: km/giờ , m/phút , m/giây , cm/giây, … | - Đi đúng làn đường của mình  - Không được lạng lách đánh võng  - Đi đúng tốc độ  *- QT: Muốn tính vận tốc ta lấy quãng đường chia cho thời gian.*  *- CT: v = s : t*  (v là vận tốc, s là quãng đường, t là thời gian) | | 2. Thực hành: |  |   Bài 1. Một người chạy được 60m trong 10 giây. Tính vận tốc chạy của người đó ?   |  |  | | --- | --- | | - Bài toán cho biết gì? YC gì?  - Yêu cầu HS tóm tắt trên bảng, tự làm bài.  - Nhận xét. *Đơn vị vận tốc trong bài toán này là gì?* | - Một người chạy được 60m trong 10 giây. Tính vận tốc.  - HS làm bài, 1 HS làm bảng.  - m/giây. |   Bài 2: Quãng đường AB dài 135 km. Ô tô đi từ A đến B hết 2 giờ 15 phút. Tính vận tốc của ô tô vơia đơn vị là km/ giờ.   |  |  | | --- | --- | | Yêu cầu HS đọc đề.  - Bài toán cho biết gì?  - Bài toán hỏi gì?  - Nêu cách giải bài toán.  - YC HS làm bài. | - HS đọc đề  - HS nêu: Quãng đường AB dài 135 km. Ô tô đi từ A đến B hết 2 giờ 30 phút  - HS nêu:Tính vận tốc của ô tô vơia đơn vị là km/ giờ.  + Đổi đơn vị đo thời gian ra giờ.  - HS làm bài, 1 HS làm bảng.  LG: 2 giờ 15 phút = 2,25 giờ  Vận tốc của ô tô là:  135 : 2,25 = 60 (km/giờ)  Đáp số : 60km/giờ  - KKHS đặt đề toán tương tự. |   Bài 3: Một ô tô khởi hành từ lúc 7 giờ 30 phút và đến B lúc 10 giờ 15 phút. Tính vận tốc của ô tô, biết quãng đường AB dài 154 km.   |  |  | | --- | --- | | - Gv yêu cầu HS đọc đề, tóm tắt.  - Bài toán cho biết gì? Để tính được v ta cần phải biết những yếu tố nào?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Chữa bài.  *- Nêu cách tính thời gian đi khi biết thời gian xuất phát và thời gian tới đích và cách tính vận tốc ?* | - HS nêu.  - HS tự làm bài vào vở.  - Chữa bài :  Thời gian ô tô đi quãng đường AB là:  10 giờ 15 phút - 7 giờ 30 phút = 2 giờ 45 phút  2 giờ 45 phút = 2,75 giờ  Vận tốc của ô tô là:  154 : 2,75 = 56 (km/giờ)  Đáp số : 56 km/giờ |   Bài 4: Một con đà điểu chạy trong 2 phút được 2100 m. Một con kăng-gu-ru (chuột túi) chạy trong 150 giây đươc 2250 m. Hỏi con nào chạy nhanh hơn?   |  |  | | --- | --- | | - Gv yêu cầu HS đọc đề, tóm tắt.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở. Lưu ý HS tính vận tốc trên cùng một đơn vị thời gian.  - Chữa bài.  *- Nêu lại quy tắc và công thức tính vận tốc?* | - HS làm bài cá nhân  + HD: đổi 150 giây = 2,5 phút  Tìm vận tốc của con đà điểu  Tìm vận tốc của con chuột túi  So sánh 2 vận tốc rồi rút ra kết luận.   * HS nêu. |   3. Vận dụng:  - Vận dụng vào thực tế. Nhận xét giờ học. Nhắc nhở HS liên hệ giáo dục ý thức đi đúng, đảm bảo vận tốc an toàn trong giao thông.  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Thứ năm ngày 3 tháng 4 năm 2025  Tiết 1: TOÁN  Quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 1)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Năng lực *tư duy và lập luận toán học*: HS giải các bài toán liên quan đến tính quãng đường, thời gian trong một chuyền động đều; nhận biết được mối quan hệ giữa quãng đường, thời gian, vận tốc trong chuyển động đều; biết tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo quãng đường, thời gian.  - Năng lực *mô hình hoá toán học*: Biết cách tính quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều; nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc, quãng đường, thời gian.  - Năng lực *giải quyết vấn đề toán học*: Giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến quãng đường, thời gian, vận tốc.  - Năng lực *giao tiếp toán học*: HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả, giải thích cách làm của mình.  2. Năng lực chung:  Phát triển năng lực *tự chủ và tự học*, *giao tiếp và hợp tác*, *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua việc khuyến khích học sinh tự học, tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.  3. Phẩm chất:  Phát triển phẩm chất: *chăm chỉ* trong tính toán và làm bài; *trung thực* trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; *trách nhiệm* khi tham gia hoạt động nhóm.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Giáo viên: Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; SGK, SGV Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều; Một số tình huống đơn giản có liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian trong thực tế.  - Học sinh: Bảng con; SGK; Vở Bài tập Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | *A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG* | | | - GV chiếu tranh, yêu cầu HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe theo nhóm đôi tình huống trong tranh ở đầu SGK/trang 62 (trong 2 phút).  - GV gọi 1 vài nhóm nói tình huống ở tranh  - GV hỏi: Để xem các nhóm có trả lời đúng với tình huống nêu trên không, đồng thời để hiểu mối liên hệ giữa quãng đường đi được và thời gian như thế nào, chúng ta cùng vào bài học hôm nay: *Bài 74: Quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 1).* | - HS quan sát tranh, nói cho bạn nghe theo nhóm đôi tình huống trong  tranh ở đầu SGK/trang 62  - Đại diện các nhóm nêu tình huống  mà nhóm mình trao đổi.  + HS1: Voi con đố chúng ta: Theo  bạn, ô tô chạy với vận tốc 80 km/giờ, sau 3 giờ, ô tô đó chạy được bao nhiêu ki-lô-mét?  + HS2: Theo mình, ô tô chạy với  vận tốc 80 km/giờ, sau 3 giờ, ô tô đó chạy được 240 km.  + HS1: Vì sao bạn ra được kết quả  như vậy?  + HS2: Vì với vận tốc 80 km/giờ,  tức là trong 1 giờ ô tô đó chạy được  80 km. Vậy trong 3 giờ thì ta lấy: 80 x 3 = 240 km  - HS lắng nghe. | | B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu:  - HS giải các bài toán liên quan đến tính quãng đường, thời gian trong một chuyền  động đều; nhận biết được mối quan hệ giữa quãng đường, thời gian, vận tốc trong  chuyển động đều; biết tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo quãng đường, thời gian.  - Biết cách tính quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều; nắm công thức  để giải các bài toán về vận tốc, quãng đường, thời gian.  - Giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến quãng đường, thời  gian, vận tốc. | | | Hoạt động 1: *Nhận biết cách tính quãng đường trong một chuyển động đều.*  - GV nói: Tình huống trong tranh tức là Ví dụ 1 ở SGK/trang 62 đặt ra cho chúng ta như sau: *Một ô tô chạy trên đường cao tốc với vận tốc là 80 km/h.*  *a) Sau 3 giờ, ô tô đi được bao nhiêu ki – lô - mét?*  *b) Hãy cho biết mối liên hệ giữa quãng đường đi được và thời gian.*  - GV hỏi: Vận tốc của ô tô là bao nhiêu?  - GV hỏi: Nói vận tốc ô tô là 80 km/giờ có nghĩa là gì?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong 3 phút để thực hiện 2 yêu cầu trên của bài toán      - GV gọi đại diện các nhóm trình bày    - GV hỏi: Vì sao em biết mối liên hệ: Quãng đường đi được bằng vận tốc nhân với thời gian?      - GV hỏi: Vậy muốn tính quãng đường, ta làm thế nào?    - GV yêu cầu HS lấy bảng con: viết kí hiệu quãng đường, vận tốc, thời gian và viết công thức tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian.  - GV gọi HS nêu công thức:  Hoạt động 2: *Nhận biết cách tính thời gian trong một chuyển động đều.*  - GV nói: Chúng ta đã biết mối liên hệ giữa quãng đường đi được và thời gian ở Ví dụ 1. Vậy ngược lại, mối liên hệ giữa thời gian và quãng đường đi được thì như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu Ví dụ 2 nhé!  - GV nêu ví dụ 2: *Một ô tô đi được quãng đường dài 168 km với vận tốc 42 km/h.*  *a) Ô tô đi hết quãng đường đó trong thời gian bao lâu?*  *b) Hãy cho biết mối liên hệ giữa thời gian và quãng đường đi được.*  - GV hỏi: Vận tốc của ô tô là bao nhiêu?  - GV hỏi: Nói vận tốc ô tô là 42 km/giờ có nghĩa là gì?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong 3 phút để thực hiện 2 yêu cầu trên của bài toán        - GV gọi đại diện các nhóm trình bày    - GV hỏi: Vì sao em biết mối liên hệ: Thời gian bằng quãng đường đi được chia cho vận tốc?      - GV hỏi: Vậy muốn tính thời gian, ta làm thế nào?    - GV yêu cầu HS lấy bảng con: viết kí hiệu thời gian, quãng đường, vận tốc và viết công thức tính thời gian khi biết quãng đường và vận tốc.  - GV gọi HS nêu công thức: | - HS lắng nghe, đọc thầm.  - HS trả lời: Vận tốc của ô tô là 80 km/h  - HS trả lời: Nói vận tốc ô tô là 80 km/giờ có nghĩa là trong 1 giờ ô tô đó chạy  được 80 km.  - HS nhận xét  - HS thảo luận nhóm 4, trả lời:  a) Sau 3 giờ, ô tô đi được:  80 x 3 = 240 (km)  b) Quãng đường đi được bằng vận tốc nhân với thời gian.  - Các nhóm trình bày  - Nhóm khác nhận xét  - HS trả lời: Vì ta lấy *80 là vận tốc của ô tô* nhân *3 là thời gian ô tô đi được* sẽ ra quãng đường ô tô đi là 240 km  - HS khác nhận xét  - HS trả lời: Muốn tính quãng đường, ta lấy vận tốc nhân với thời gian.  + 2-3 nối tiếp HS nhắc lại, lớp đọc thầm  - HS lấy bảng con ra thực hiện – 1 HS viết bảng lớp: Vận tốc là v, quãng đường là s, thời gian là t, ta có: s = v x t  - HS nêu: s = v x t ; trong đó, s là  quãng đường, v là vận tốc, t là thời gian  + 2-3 nối tiếp HS nhắc lại, lớp đọc thầm  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe, đọc thầm.  - HS trả lời: Vận tốc của ô tô là 42 km/h  - HS trả lời: Nói vận tốc ô tô là 42 km/giờ có nghĩa là trong 1 giờ ô tô đó chạy  được 42 km.  - HS nhận xét  - HS thảo luận nhóm 4, trả lời:  a) Ô tô đi hết quãng đường đó trong thời gian: 168 : 42 = 4 (giờ)  b) Thời gian bằng quãng đường đi  được chia cho vận tốc.  - Các nhóm trình bày  - Nhóm khác nhận xét  - HS trả lời: Vì ta lấy *168 là quãng*  *đường đi được của ô tô* chia cho *42*  *là vận tốc của ô tô* sẽ ra thời gian ô  tô đi được là 4 giờ.  - HS khác nhận xét  - HS trả lời: Muốn tính thời gian, ta  lấy quãng đường chia cho vận tốc.  + 2-3 nối tiếp HS nhắc lại, lớp đọc thầm  - HS lấy bảng con ra thực hiện – 1 HS viết bảng lớp: vận tốc là v, quãng  đường là s, thời gian là t, ta có: t = s : v  - HS nêu: t = s : v ; trong đó, t là  thời gian, s là quãng đường, v là vận tốc  + 2-3 nối tiếp HS nhắc lại, lớp đọc thầm | | *C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP*  Mục tiêu:  HS làm được Bài tập 1, 2/trang 63: HS giải các bài toán liên quan đến tính quãng đường, thời gian trong một chuyền động đều; nhận biết được mối quan hệ giữa quãng đường, thời gian, vận tốc trong chuyển động đều; biết tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo quãng đường, thời gian; biết cách tính quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều; nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc, quãng đường, thời gian; giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến quãng đường, thời gian, vận tốc. | | | \* Bài 1:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 1.  - GV hỏi: Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?    - GV hướng dẫn mẫu dòng 1: + Nhìn dòng 1 cho ta biết và cần làm gì?    + Muốn tính quãng đường s, biết vận tốc v và thời gian t ta làm thế nào?  - GV chốt đáp án đúng dòng 1  - GV hỏi: + Muốn tính thời gian t, biết quãng đường s và vận tốc v, ta làm thế nào?  + Muốn tính vận tốc v, biết quãng đường s và thời gian t, ta làm thế nào?  - GV: 3 đại lượng: vận tốc, quãng đường, thời gian có mối liên hệ với nhau nên khi làm bài, các em chú ý đơn vị các đại lượng sao cho phù hợp nhé!  - GV tổ chức cho HS trò chơi “Tiếp sức”, vận dụng các công thức đã học để hoàn thành bài 1  + Cho HS chia làm 2 đội, một đội 4 HS hoàn thành bài 1.  + Đội nào làm đúng và nhanh sẽ chiến thắng  + HS còn lại quan sát, nhận xét, đánh giá.    - GV có thể hỏi HS dưới lớp cách làm 1 bài ở BT 1  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng  \* Bài 2:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 2.  - GV hỏi: Bài 2a cho biết gì?    - GV hỏi: Bài 2a hỏi gì?  - GV hỏi: Muốn tính quãng đường mà máy bay đó bay được, ta làm thế nào?  - GV yêu cầu HS tiến hành làm bài tập 2 vào vở, 2 HS làm bảng lớp  - GV gọi HS nêu cách làm bài 2b cho cả lớp nghe  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. | *-* HS đọc yêu cầu bài 1.  - HS trả lời: Điền số vào ô trống và hoàn thành bảng  - HS trả lời: + Dòng 1 cho ta biết Người đi bộ đi với vận tốc 5 km/h trong thời gian 2 giờ thì đi được quãng đường bao nhiêu?  + Muốn tính quãng đường s, ta lấy vận tốc v nhân với thời gian t. Ta lấy 5 x 2 = 10 km  - HS lắng nghe làm vào vở  - HS trả lời: + Muốn tính thời gian t, ta lấy quãng đường s chia cho vận tốc v.  + Muốn tính vận tốc v, ta lấy quãng đường s chia cho thời gian t.  - HS lắng nghe  - HS chơi trò chơi “Tiếp sức” để hoàn thành bài 1  + Thời gian xe máy đi: 120 : 30 = 4 (giờ)  + Quãng đường ô tô đi được: 3,5 x 52 = 182 (km)  + Thời gian xe đạp đi: 18 : 15 = 1,2 (giờ)  + HS còn lại quan sát, nhận xét, đánh giá.  - HS trả lời theo yêu cầu của GV  - HS lắng nghe  *-* HS đọc yêu cầu bài 2.  - HS trả lời: Một máy bay chở khách, bay với vận tốc 860 km/h, bay trong 3 giờ 30 phút  - HS trả lời: Tính quãng đường mà máy bay đó bay được.  - HS trả lời: ta phải đổi thời gian 3 giờ 30 phút = 3,5 giờ. Sau đó lấy vận tốc 860 nhân với 3,5 sẽ ra được quãng đường của máy bay.  - HS khác nhận xét.  - HS tiến hành làm bài tập 2 vào vở, 2 HS làm bảng lớp  *a) Bài giải:*  Ta có: 3 giờ 30 phút = 3,5 giờ  Quãng đường mà máy bay đó bay được là:  860 x 3,5 = 3 010 (km)  Đáp số: 3 010 km  *b) Bài giải:*  Thời gian xe đó đi được 60 m là:  60 : 1,5 = 40 (giây)  Đáp số: 40 giây  - HS nhận xét bài làm ở bảng  - HS nêu cách làm.  - HS lắng nghe. | | D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  Mục tiêu: Giúp HS ôn tập lại các kiến thức đã học để vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. | | | - GV hỏi: Tiết học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì? Em cần ghi nhớ những gì?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến tính quãng đường, thời gian, vận tốc để hôm sau lên chia sẻ với các bạn; nắm công thức tính quãng đường, thời gian, vận tốc để áp dụng giải quyết các tình huống trong thực tế; chuẩn bị bài sau: *Bài 74: Quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 2).* | - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM  Chi tiêu trong gia đình  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Lập và sử dụng được sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.  - Chia sẻ được về các khoản chi tiêu trong gia đình mình.  - Lập được số tay ghi chép chi tiêu của gia dinh.  2. Năng lực chung:  *- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.  *-Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.  *- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.  3. Phẩm chất:  - *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.  \* QCN:Quyền được tiếp cận thông tin thích hợp.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  1. Đối với giáo viên:   * Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5. * Giấy A3, bút, bút màu. * Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề   2. Đối với học sinh:   * SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5. * Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp. * Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.   III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:  a. Mục tiêu: Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng  - Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  b. Cách tiến hành  - GV yêu cầu HS chia sẻ theo cặp đôi về những cách ghi chép chi tiêu của gia đình mình.  - GV mời đại diện một vài HS chia sẻ với cả lớp về cách ghi chép chi tiêu của gia đình mình với các bạn.  - GV cùng HS tìm ra những điểm giống nhau, khác nhau trong cách ghi chép chi tiêu của các gia đình.  - GV mời HS chia sẻ suy nghĩ về tầm quan trọng của việc ghi chép chi tiêu trong gia đình.  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Ghi chép chi tiêu trong gia đình có vai trò quan trọng giúp chủ nhà theo dõi được các khoản chi hằng tháng trong gia đình, mức độ hợp lí của từng khoản chi để có thể điều chỉnh kịp thời theo tuần, theo tháng. Để có thể ghi chép lại chi tiêu gia đình, các em hãy đến với bài học ngày hôm nay – Tuần 28 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Chi tiêu trong gia đình.*  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Hoạt động 1: Chia sẻ về các khoản chi tiêu trong gia đình  a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS tìm hiểu và trình bày được về các khoản chi tiêu trong gia đình mình.  b. Cách tiến hành:  - GV chia HS thành các nhóm, mỗi nhóm (4 – 6 HS).  - GV nêu nhiệm vụ hoạt động: *Vẽ sơ đồ tư duy về các khoản chi tiêu trong gia đình.*  - GV yêu cầu HS dựa vào kết quả trao đổi với người thân vẽ sơ đồ, khuyến khích HS thiết kế, trang trí cho sơ đồ.  - GV trình chiếu cho HS mẫu sơ đồ tư duy:    - GV mời một số HS trình bày trước lớp, chia sẻ về các khoản chi tiêu trong gia đình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi về những điều bản thân còn băn khoăn (nếu có).  - GV tổ chức cho HS nhận xét về sự khác biệt giữa các khoản chi tiêu của mỗi gia đình.  - GV khen ngợi sự tích cực tham gia hoạt động của HS.  - GV kết luận: *Mỗi gia đình tùy theo hoàn cảnh kinh tế, thu nhập khác nhau mà có sự chi tiêu khác nhau. Vì vậy, việc chi tiêu cần căn cứ vào tổng thu nhập và nhu cầu của mỗi thành viên, từ đó có sự cân đối chi tiêu cho phù hợp.*  Hoạt động 2: Lập sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình  a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:  - Lập được sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình, từ dố có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu và gia đình sử dụng có hiệu quả các khoản chi tiêu đó.  - Phát triển khả năng khéo léo, sáng tạo.  b. Cách tiến hành:  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị các đồ dùng cần thiết để làm sổ tay:  + Cuốn sổ nhỏ hoặc bìa màu, giấy trắng.  + Bút màu, kéo, hồ dán, băng dính...  - GV cho HS quan sát tranh ảnh minh họa các cuốn sổ tay ghi chép chi tiêu và cách ghi chép chi tiêu trong sổ.          - GV tổ chức cho HS nhận xét về cách trình bày các cuốn sổ tay ghi chép chi tiêu và cách ghi chép chi tiêu trong sổ.  - GV mời một số HS trình bày. HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, ghi nhận đáp án hợp lí:  *+ Các cuốn sổ tay thường được chia làm 2 phần chính gồm tổng thu nhập và các khoản chi.*  *+ Mục ghi thu nhập chép lại cụ thể số tiền có thể thu được từ các nguồn khác nhau.*  *+ Mục các khoản chi ghi lại cụ thể những danh mục, số tiền cần trả để đáp ứng các nhu cầu hằng ngày theo tuần, tháng, quý...*  - GV mời một số HS chia sẻ về lợi ích của việc ghi chép chi tiêu của gia đình mình.  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí: Việc ghi chép chi tiêu gia đình giúp quản lí chi tiêu, tránh việc chi tiêu lãng phí và rèn luyện tính tiết kiệm trong đời sống.  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân: *Lập sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.*  - GV gợi ý cho HS:  + Suy nghĩ về ý tưởng thiết kế sổ tay của em.  + Xác định những nội dung cần có trong sổ tay.  + Dán gáy các tờ giấy trắng tạo thành cuốn sổ.  + Tiến hành thiết kế và trang trí sổ tay theo ý tưởng của em.  - GV mời một số HS giới thiệu sổ tay vừa thiết kế với các bạn về ý tưởng và cách thiết kế sổ.  - GV tổ chức cho HS bình chọn cuốn sổ tay khoa học, ấn tượng nhất.  - GV tổ chức cho HS thảo luận về cách sử dụng sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình khoa học, hợp lí.  - GV gợi ý:  + Ghi vào thời điểm nào?  + Có ghi riêng biệt khoản thu và khoản chi không?  - GV mời một số HS xung phong trả lời. HS khác lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá, ghi nhận đáp án hợp lí:  *+ Ghi vào cuối ngày, mỗi tuần một lần...*  *+ Phải ghi riêng biệt khoản thu và khoản chi.*  - GV kết luận: *Ghi chép chi tiêu của gia đình là một việc làm rất cần thiết giúp ghi lại các nội dung đã chi tiêu, kiểm soát được các khoản chi tiêu, tránh lãng phí vào những khoản không cần thiết. Vì vậy, sổ tay ghi chép chi tiêu sẽ rất hữu ích để các em cùng bố mẹ ghi chép chi tiêu của gia đình. Từ đó, nâng cao ý thức tự tiết kiệm trong chi tiêu, tranh lãng phí.*  C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:  a. Mục tiêu: Giúp HS củng cố kiến thức đã học.  b. Cách tiến hành  *Bài tập trắc nghiệm:*  - GV cho HS làm việc cá nhân để trả lời các câu hỏi trắc nghiệm sau:  Câu 1: Chi tiêu là gì?  A. Là khoản chi phí phát sinh của một cá nhân, tập thể nhằm mục đích phục vụ nhu cầu hàng ngày về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.  B. Là khoản chi phí phát sinh của một cá nhân, tập thể nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đời sống hàng ngày từ tinh thần cho đến vật chất.  C. Là khoản chi phí phát sinh của một cá nhân nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đời sống hàng ngày về vật chất  D. Là khoản chi phí phát sinh của một tập thể nhằm mục đích phục vụ nhu cầu đời sống hàng ngày từ tinh thần cho đến vật chất.  Câu 2: Nhận định nào sau đây là đúng?  A. Quản lí chi tiêu là việc lập ra một kế hoạch tài chính nhằm theo dõi, đánh giá, trạng thái tài chính.  B. Quản lí chi tiêu là việc lập ra một kế hoạch tài chính nhằm theo dõi, điều chỉnh trạng thái tài chính.  C. Quản lí chi tiêu là việc lập ra một kế hoạch tài chính nhằm theo dõi, đánh giá, điều chỉnh trạng thái tài chính.  D. Quản lí chi tiêu là việc lập ra một kế hoạch tài chính nhằm đánh giá, điều chỉnh trạng thái tài chính.  Câu 3: Đâu là điều cần lưu ý khi ghi chép chi tiêu trong gia đình?  A. Ghi chép tùy thích vào sổ tay.  B. Ghi chép vào các mảnh giấy nhỏ để dễ theo dõi.  C. Ghi chép theo quý.  D. Ghi chép đúng, đầy đủ, thường xuyên.  Câu 4: Đâu không phải nội dung có trong nội dung ghi chép chi tiêu trong sổ tay chi tiêu gia đình?  A. Số tiền cho biến động.  B. Tổng thu nhập.  C. Các khoản chi.  D. Số tiền thừa/ thiếu.  Câu 5: Có mấy bước trong việc làm sổ tay ghi chép chi tiêu trong gia đình?  A. 3. B. 4.  C. 2. D. 1.  - GV mời 2 -3 HS trả lời. HS khác lắng nghe, nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án:   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | | Đáp án | B | C | D | A | B |   \* CỦNG CỐ:  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - Em hiểu thế nào là quyền được tiếp cận thông tin thích hợp?  - GV nhận xét, chốt nội dung: Quyền được tiếp cận thông tin và biết chắt lọc thông tin,….  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  \* DẶN DÒ:  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Hỏi ý kiến người thân để hoàn thiện sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình.  + Sử dụng sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình em trong cuộc sống hằng ngày.  + Chuẩn bị cho tiết Sinh hoạt lớp. | - HS chia sẻ.  - HS tìm hiểu.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS làm việc nhóm.  - HS thực hiện.  - HS thực hiện.  - HS quan sát.  - HS trình bày.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chuẩn bị đồ dùng.  - HS quan sát.  - HS nhận xét.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS chia sẻ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS làm việc cá nhân.  - HS ghi nhớ, thực hiện.  - HS giới thiệu sổ tay.  - HS bình chọn.  - HS thảo luận.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe câu hỏi.    - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS nêu ý kiến theo hiểu biết.  - HS lắng nghe, tiếp thu  - HS lắng nghe, ghi chú. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3: TOÁN (tăng)  Luyện tập về quãng đường, thời gian trong chuyển động đều  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Củng cố cách tính quãng đường, thời gian của chuyển động khi biết hai đại lượng còn lại với các đơn vị đo khác nhau.  - Hoàn thành các bài tập có liên quan đến các kiến thức trên chính xác.  2.Năng lực chung:  - Học sinh phát triển năng lực tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc tự đánh giá và điều chỉnh cách học, sử dụng ngôn ngữ toán học để trao đổi, làm việc nhóm, vận dụng phép tính vào thực tế và tìm ra nhiều cách giải quyết bài toán khác nhau.  3.Phẩm chất:  - Học sinh tích cực suy nghĩ, chăm chỉ hoàn thành nhiệm vụ học tập. Luôn lắng nghe, nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ. Biết giúp đỡ bạn khi bạn gặp khó khăn trong học tập.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :  - Máy tính, tivi, giáo án điện tử  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:   |  |  | | --- | --- | | 1. Khởi động:  Câu 1: Trong các đơn vị sau, đâu là đơn vị của vận tốc?  A: m/giây B: km/giờ  C: m/phút D: Cả 3 đáp án trên  Câu 2: Một người đi xe máy với vận tốc 40km/ giờ. Người đó đi trong nửa giờ. Tính quãng đường người đó đi được.  A: 10km B: 20km C: 30km D: 40km  Câu 3: Một người đạp xe quanh hồ với vận tốc 9km/giờ thì hết 10 phút. Quãng đưỡng người đó đi là:  A: 9km B: 1,9km C: 90km D: 1,5km  - GV củng cố, mở rộng phần quan hệ giữa các đơn vị đại lượng cho HS.  2. Thực hành: | - HS trả lời câu hỏi chọn đáp án và ôn tập lại kiến thức.  *t = s : v ; s = v X t ; v = s : t*  1- Trong cùng một thời gian vận tốc và quãng đường là hai đại lượng tỉ lệ (đại lượng này tăng (giảm) đi bao nhiêu lần thì đại lượng còn lại cũng tăng (giảm) đi bấy nhiêu lần)  2- Trong cùng một vận tốc thì thời gian và quãng đường cũng là hai đại lượng tỉ lệ (đại lượng này tăng (giảm) đi bao nhiêu lần thì đại lượng còn lại cũng tăng (giảm) đi bấy nhiêu lần)  3 - Trên cùng một quãng đường thời gian và vận tốc là hai đại lượng tỉ lệ( Vận tốc tăng thì thời gian giảm và ngược lại) |   Bài 1. Hai thành phố Avà B cách nhau 135 km. Một xe máy đi từ A đến B với vận tốc 42 km/giờ. Hỏi sau khi khởi hành 1 giờ 20 phút xe máy còn cách B bao nhiêu ki lô mét?   |  |  | | --- | --- | | - Yêu cầu HS đọc đề, làm bài vào vở.  - Gọi HS chữa bài.  - GV giúp HS chữa bài, nhận xét. | - HS đọc bài tập, phân tích đề bài.  - 1 HS nêu cách làm:  + Đổi đơn vị đo thời gian  + Tính quãng đường xe máy đã đi được.  + Tính khoảng cách tới B.  - HS tự làm sau đó chữa bài. |   Bài 2: Một ô tô đi trong 2 giờ được 90 km. Hỏi trong 3 giờ 45 phút ô tô đi được bao nhiêu ki-lô- mét, biết vận tốc không đổi.   |  |  | | --- | --- | | - GV hướng dẫn HS phân tích đề bài và làm bài tập.  - GV chữa bài.  - Nêu lại các bước làm bài? | - HS xác định yêu cầu của đề bài và tóm tắt đề bài, xác định dạng toán.  - HS lên bảng làm bài tập theo các bước.  *Bước 1: Tính vận tốc của ô tô*  *Bước 2: Đổi đơn vị đo thời gian ra giờ*  *Bước 3: Tính quãng đường đi trong 3 giờ 45 phút.* |   Bài 3: Một người đi quãng đường AB dài 90 km với v = 40 km/ giờ. Hỏi người đó phải xuất phát từ A lúc mấy giờ để có mặt ở B lúc 9 giờ.   |  |  | | --- | --- | | - Gv yêu cầu HS đọc đề, tóm tắt.  - Bài toán cho biết gì? Để tính được v ta cần phải biết những yếu tố nào?  GV theo dõi HS làm bài và chốt các bước làm bài tập.  *\* Muốn tính thời điểm xuất phát ta làm thế nào?* | - HS nêu.  - HS tự làm bài vào vở.  - HS xác định yêu cầu của đề bài.  - HS lên bảng làm bài tập. HS khác nhận xét bài làm của bạn theo các bước.  *Bước 1: Tính thời gian đi trên đường*  *Bước 2: Tính thời điểm xuất phát*  - …lấy thời điểm đến trừ đi khoảng thời gian… |   Bài 4: Một xe máy đi từ A về B với vận tốc 34km/giờ, cùng lúc đó người đi xe đạp từ B về A với vận tốc 11,5km/giờ. Sau hai giờ xe máy và xe đạp gặp nhau. Tính quãng đường AB.   |  |  | | --- | --- | | - Gv yêu cầu HS đọc đề, tóm tắt.  - Yêu cầu HS làm bài vào vở. Lưu ý HS tính tổng vận tốc.  - Chữa bài.  - Bài toán thuộc dạng toán nào trong chuyển động?  - GV nhận xét. GV lưu ý cho HS dạng toán chuyển động ngược chiều gặp nhau. | - HS đọc đề, xác định dạng toán.  - HS nêu cách làm bài.  - HS làm bài vào vở, 1 em làm bảng  - Chuyển động ngược chiều gặp nhau. |   3. Vận dụng:  - Vận dụng vào thực tế. Nhận xét giờ học. Nhắc nhở HS liên hệ giáo dục ý thức đi đúng, đảm bảo vận tốc an toàn trong giao thông.  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Thứ sáu ngày 4 tháng 4 năm 2025*  Buổi sáng:  Tiết 1:TIẾNG VIỆT 7  Bài viết 2: Viết báo cáo công việc  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Hiểu cấu tạo của một báo cáo công việc.  - Nêu được một số trường hợp cần viết báo cáo công việc và xác định được người hoặc cơ quan, tổ chức nhận báo cáo.  2. Năng lực chung:  - Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (trao đổi với bạn về cấu tạo, nội dung cần viết trong báo cáo công việc).  3. Phẩm chất:  - PC trách nhiệm (nhận ra được một số công việc cần đề nghị người có trách nhiệm hoặc cơ quan, tổ chức giải quyết).  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  – GV chuẩn bị: máy tính, máy chiếu; phiếu học tập dành cho HS. Các mẫu báo cáo đơn giản.  – HS chuẩn bị: SGK *Tiếng Việt 5*, tập hai, giấy nháp, vở bài tập bút mực. Nội dung báo cáo đã chuẩn bị.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:  – GV có thể cho HS chơi một trò chơi khởi động. VD: tập báo cáo trong tiết thể dục đội hình đội ngũ: 1 em làm chi đội trưởng, một em làm phân đội trưởng.  Em phân đội trưởng giả lập các bạn trong tổ đang đứng nghiêm hô: Phân đội 1 chú ý nghỉ, nghiêm. Rồi qua lên báo cáo: Báo cáo chi đội trưởng, phân đội 1 có 8 người, có mặt 7, vắng 1. Báo cáo hết. Bạn chi đội trưởng đáp: Được! bạn về cho phân đội nghỉ! Phân đội trưởng: Rõ! Rồi quay về. (cho 2 -3 tốp thực hiện) Tổ nào nói rõ không vấp thì được tuyên dương.  – GV giới thiệu bài: Vừa rồi ta đã báo cáo bằng lời nói, vậy có báo cáo bằng bài viết không? Bài viết báo cáo một công việc gồm những phần gì? Báo cáo cho ai để làm gì… Hôm nay chúng ta tìm hiểu.  B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:  Mục tiêu: - Giúp học sinh nắm được cấu tạo của bài báo cáo.  *Hoạt động 1: Nhận xét về cấu tạo của báo cáo*  Cách tiến hành:  - GV mời 2 HS đọc nối tiếp yêu cầu của bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.  - GV cho HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi ở BT1. Sau đó cho các nhóm hỏi đáp trước lớp (có thể cho hỏi đáp xen kẽ, mỗi người hỏi 1 câu, hoặc cho hỏi đáp hết lượt và đổi vai hỏi lại).  *- HS nối tiếp nhau đọc nội dung phần Nhận xét trong SGK.*  - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm khoảng 4 – 5 HS) trao đổi về các CH gợi ý trong SGK:  *Hoạt động 2: Rút ra bài học*  -GV đặt CH và mời một số HS trả lời để khắc sâu nội dung bài học.  -Sau mỗi câu trả lời, GV mời một số HS nhận xét, góp ý.  -GV mời 2 HS đọc nội dung Bài học trong SGK; cả lớp đọc thầm theo.  *-* Giáo viên sử dụng phương pháp hỏi đáp để giúp học sinh rút ra bài học:  – GV dán / chiếu nội dung bài học, yêu cầu học sinh đọc và ghi nhớ nội dung bài học.  C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  - Học sinh trao đổi được với bạn về mục tiêu vị thế bên gửi, bên nhận, biết cách viết xưng hô phù hợp, xác định mục đích báo cáo để tránh lạc đề và nắm rõ hình thức, các phần của bài báo cáo  Hoạt động 2: Trao đổi với bạn Chọn 1 trong 2 đề sau, trao đổi với bạn về các thông tin cần trình bày:  Cách tiến hành:  - GV mời 2 HS đọc 2 đề bài. Cả lớp đọc thầm theo.  -GV cho HS hoạt động nhóm (mỗi nhóm 3 – 5 em): lựa chọn 1 trong 2 đề bài.  -GV mời một số HS nói về đề bài mà các nhóm chọn.  -HS trao đổi trong nhóm.  -GV theo dõi, khuyến khích và giúp đỡ HS trao đổi với nhau. GV có thể nêu một số CH gợi ý HS trao đổi. VD:  + Báo cáo gồm có mấy phần?  + Tên của báo cáo là gì?  + Nội dung báo cáo cần trình bày những gì?  Tuỳ theo đề bài các nhóm lựa chọn mà GV đưa ra gợi ý cụ thể. GV hướng dẫn HS ghi chép kết quả thảo luận và ý kiến nhận xét khi trao đổi.  -GV mời HS đại diện các nhóm trình bày ý kiến trước lớp.  -Các HS khác lắng nghe, nhận xét về ý kiến của bạn.  -GV tổng kết ý kiến.  D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG  *Củng cố, dặn dò*  - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được qua Bài viết 2, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét tiết học, tuyên dương những em tích cực, tiến bộ, những HS xác định đúng.  GV giao nhiệm vụ về nhà: chuẩn bị dàn ý cho Bài viết 3. | - Học sinh chơi trò chơi theo hướng  dẫn của giáo viên.  - Học sinh đọc yêu cầu của bài tập.  Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *1-Báo cáo trên là của ai, gửi cho ai? Tên của báo cáo cho biết mục đích*  *viết báo cáo này là gì?*  *2-Báo cáo trên gồm mấy phần? Mỗi phần của báo cáo có những thông tin gì?*  Báo cáo là của tổ 1, lớp 5C, Trường Tiểu học Thạnh Trị  Báo cáo được gửi cho Cô giáo chủ nhiệm lớp 5C.  Mục đích: báo cáo kết quả thực hiện dự án “Hành tinh xanh”.  Báo cáo trên gồm 3 phần:  Phần đầu: quốc hiệu, tiêu ngữ; địa  điểm, ngày, tháng, năm viết báo cáo;  tên báo cáo; người nhận báo cáo.  Phần nội dung: báo cáo kết quả hoạt động của tổ 1 theo các nội dung cụ  thể:  + Phạm vi thực hiện  + Nhiệm vụ  + Kết quả thực hiện  Phần cuối: chức vụ, chữ kí,  họ tên của người viết báo cáo.  Bài học  1.Báo cáo công việc là bản tổng hợp kết quả hoạt động của cá nhân hoặc tập thể gửi cho người hoặc cơ quan, tổ chức có trách nhiệm xem xét.  2.Bản báo cáo công việc thường gồm ba phần:  a-Phần đầu: quốc hiệu và tiêu ngữ (hoặc tên tổ chức), địa điểm và thời gian (ngày, tháng, năm) làm báo cáo, tên báo cáo, người (hoặc cơ quan, tổ chức) nhận báo cáo.  b-Phần nội dung: tình hình và kết quả thực hiện công việc.  c-Phần cuối: chức vụ, chữ kí, họ tên người báo cáo.  -Các bạn học sinh khác nhận xét và  bổ sung (hoặc hỏi đáp lại).  - Học sinh dựa vào nội dung hỏi đáp trước đó và sách giáo khoa để trả lời  các câu hỏi của giáo viên.  Luyện tập  Chọn 1 trong 2 đề sau, trao đổi với  bạn về các thông tin cần trình bày:  1-Báo cáo kết quả tham gia của tổ em trong cuộc thi vẽ tranh “Em yêu hoà bình” hoặc một cuộc thi khác do nhà trường phát động. Ví dụ:  CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc    *Ia Khai, ngày 11 tháng 4 năm 2025*  BÁO CÁO KẾT QUẢ THAM GIA CUỘC THI VẼ TRANH  “EM YÊU HÒA BÌNH”  Của tổ 1, lớp 5C, Trường Tiểu học và THCS Hoàng Hoa Thám Ia Khai.    Kính gửi: Cô giáo Chủ nhiệm lớp 5C.  Sau một ngày tham gia cuộc thi vẽ tranh “Em yêu hòa bình” do nhà trường phát động, tổ 1 xin báo cáo kết quả hoạt động của tổ như sau:  Cuộc thi vẽ tranh “Em yêu hoà bình” năm 2024 đã thu hút sự tham gia của 8 thiếu nhi, trong tổ, trong đó có 7 bạn người dân tộc Jrai đang học tập và sinh sống tại xã Ia Khai. Đây là cơ hội tốt để thiếu nhi giao lưu, thúc đẩy tinh thần yêu hòa bình. Trong thời gian 90 phút, các em đã sáng tác hàng chục bức ảnh màu nước, màu sáp, màu bột, Kết thúc cuộc thi, đã có 1 giải Nhất, 2 giải Nhì, 3 giải Ba và 2 giải Khuyến khích được trao cho các hoạ sĩ nhỏ tuổi.  Chúng em mong rằng nhà trường sẽ tiếp tục cuộc thi như thế này để chúng em hoạt động có ý nghĩa thiết thực trong thời gian tới.  Tổ trưởng  VAN  Trần Thanh Vân  2-Báo cáo kết quả tham gia của tổ em trong một dự án học tập.  (giáo viên hướng dẫn tương tự) |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 2: KHOA HỌC  Bài 17: Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe tuổi dậy thì (Tiết 2)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - HS tìm hiểu và nêu được những việc cần làm, cần tránh để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.  2. Năng lực chung.  - Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập. Xác định nhiệm vụ của nhóm, trách nhiệm của bản thân đưa ra ý kiến đóng góp hoàn thành nhiệm vụ của chủ đề.  - Năng lực giải quyết vấn đề: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.  - Năng lực tự học: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  3. Phẩm chất.  - Phẩm chất chăm chỉ: HS chủ động hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Phẩm chất trách nhiệm: HS có trách nhiệm với công việc chung của nhóm.  - Phẩm chất trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.  - Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê tìm tòi khoa học.  - Nhân ái, tôn trọng, giúp đỡ bạn cùng tiến bộ.  \*GDQCN: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  1. GV:  - SGK, TV, máy tính, bảng phụ, bài giảng PPT, phấn màu, tranh ảnh, bộ ảnh trò chơi.  2. HS: - SGK, Bút dạ, .  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | A. Hoạt động khởi động:  a) Mục tiêu:  - Tạo cảm xúc vui tươi, hứng thú của HS trước giờ học.  - Nhắc lại kiến thức cũ, giới thiệu bài mới.  b) Cách thực hiện: | | | - GV cho HS hát và vận động theo nhạc bài hát “Em yêu trường em”.  - GV cho HS chơi trò chơi: “Nhìn hành động, đoán tên việc làm”  + 1 học sinh xung phong làm hành động trong tranh GV đưa (là những việc làm HS đã làm trong BT 4 ở tiết 1).  + HS cả lớp nhìn hành động của bạn đoán việc làm mà bạn đó muốn thể hiện, bạn nào đoán đúng sẽ được thay thế làm hành động.  - GV nhận xét và giới thiệu bài. | - HS hát và vận động theo nhạc.  - Cả lớp chơi trò chơi.  - HS lắng nghe. | | B. Hoạt động khám phá kiến thức:  a) Mục tiêu:  - HS tìm hiểu và nêu được những việc cần làm, cần tránh để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.  b) Cách thực hiện: | | | 2. Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì  *\* Làm việc theo cặp:*  - GV yêu cầu HS quan sát các hình từ  hình 5 – hình 13, trang 80, 81 thảo luận và luân phiên nêu những việc cần làm, cần tránh để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.  *\* Làm việc cả lớp:*  - GV trình chiếu các hình 5 -13 và chọn một số nhóm đôi trình bày kết quả hoạt động của nhóm mình.  - GV cho nhận xét. | - HS quan sát tranh, thảo luận theo nhóm đôi.    - Cặp đôi HS chia sẻ, các nhóm HS khác bổ sung cho bạn.  - HS lắng nghe. | | C. Hoạt động thực hành, luyện tập  a) Mục tiêu:  - HS kể thêm được một số việc làm để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.  b) Cách tiến hành: | | | *\* Làm việc cả lớp*  - Cho HS nêu các việc làm để chăm sóc và bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì theo hình thức “Truyền điện”  - GV nhận xét kết quả, tuyên dương HS tích cực.  - GV cho HS đọc thầm nội dung trong mục Con ong, trang 81.  - Gọi một vài học sinh đọc trước lớp. | - HS luân phiên nhau nêu.  - HS lắng nghe.  - HS đọc cá nhân.  - HS lắng nghe. | | D. Hoạt động vận dụng  a) Mục tiêu:  - HS củng cố kiến thức sau bài học.  b) Cách tiến hành: | | | - GV đặt câu hỏi cho HS trả lời để tổng hợp nội dung đã học  + Ở tuổi dậy thì, chúng ta cần chú ý chế độ ăn như thế nào?  + Bên cạnh chế độ dinh dưỡng hợp lí, chúng ta cần làm gì nữa để cơ thể phát triển và giúp giải tỏa căng thẳng trong cuộc sống?  + Kể một số loại thức tốt cho sức khỏe tuổi dậy thì?  - GV giới thiệu thêm các loại thức ăn, thực phẩm và tháp dinh dưỡng cho tuổi dậy thì.  Tháp dinh dưỡng cân đối cho trẻ em từ 12 - 14 tuổi của Bộ Y tế  + Kể tên các hoạt động thể dục thể thao tốt cho sức khỏe và tinh thần tuổi dậy thì?  - GV cho nhận xét, tuyên dương HS tích cực tham gia các hoạt động học tập.  - GV dặn HS xem và chuẩn bị trước tiết 3 -  Tìm hiểu các thông tin tốt cho sự phát triển ở tuổi dậy thì về các chủ đề:  + Chế độ ăn uống  + Các hoạt động vận động, thể dục thể thao  + Cách kiểm soát cảm xúc.  \*GDQCN: Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng.  GV nêu: Trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng để phát triển toàn diện.  - GV nhận xét, chốt nội dung. | + Ở tuổi dậy thì, chúng ta cần chú ý chế độ ăn đa dạng, cân bằng để đảm bảo việc học tập và hoạt động.  + Chúng ta cần luyện tập thể dục, thể thao và nghỉ ngơi điều độ.  + Đạm, chất béo có nhiều trong các loại thịt như thịt bò, thịt heo, thịt gà, trứng, cá và các loại phô mai; Chất bột có trong gạo, ngũ cốc; Chất sơ, vi-ta-min, chất khoáng trong trái cây, rau củ quả,…  - HS lắng nghe.  + Tập thể dục, bơi lội, bóng rổ,…  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  - HS lắng nghe, nói theo ý hiểu của mình. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 3: TOÁN  Quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 2)  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:  - Năng lực *tư duy và lập luận toán học*: HS giải các bài toán liên quan đến tính quãng đường, thời gian trong một chuyền động đều; nhận biết được mối quan hệ giữa quãng đường, thời gian, vận tốc trong chuyển động đều; biết tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo quãng đường, thời gian.  - Năng lực *mô hình hoá toán học*: Biết cách tính quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều; nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc, quãng đường, thời gian.  - Năng lực *giải quyết vấn đề toán học*: Giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến quãng đường, thời gian, vận tốc.  - Năng lực *giao tiếp toán học*: HS sử dụng ngôn ngữ toán học để diễn tả, giải thích cách làm của mình.  2. Năng lực chung:  Phát triển năng lực *tự chủ và tự học*, *giao tiếp và hợp tác*, *giải quyết vấn đề và sáng tạo*: thông qua việc khuyến khích học sinh tự học, tham gia các hoạt động nhóm và thảo luận, trình bày kết quả.  3. Phẩm chất:  Phát triển phẩm chất: *chăm chỉ* trong tính toán và làm bài; *trung thực* trong đánh giá kết quả học tập cả bản thân, của bạn; *trách nhiệm* khi tham gia hoạt động nhóm.  II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  - Giáo viên: Ti vi, máy tính, bài trình chiếu PPT; SGK, SGV Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều; Một số tình huống đơn giản có liên quan đến vận tốc, quãng đường, thời gian trong thực tế.  - Học sinh: Bảng con; SGK; Vở Bài tập Toán 5 (Tập 2) bộ sách Cánh Diều.  III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN | HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH | | *A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG* | | | - GV tổ chức cho HS chơi Trò chơi *Rung chuông vàng* để khởi động tiết học.  + HS đọc câu hỏi, suy nghĩ, chon và viết đáp án đúng ở bảng con.  + Hết thời gian, HS giơ bảng. HS nào đúng với đáp án của GV thì tiếp tục chơi. HS nào làm sai thì dừng chơi, xem các bạn còn lại thi. Những bạn còn sót lại cuối cùng được vinh danh là người xuất sắc nhất.  *Lưu ý:* Trong quá trình chơi, GV có thể dừng lại hỏi cách làm để cứu HS bị dừng lại.  Câu 1: Trong 1 giây, viên bi lăn được 9 cm. Vận tốc của viên bi đó là:  A. 9 m/s  B. 9 km/h  C. 9 cm/phút  D. 9 cm/s  Câu 2: Một ca nô đi với vận tốc 15,2 km/giờ. Tính quãng đường đi được của ca nô trong 3 giờ.  A. 45,6 km/h  B. 46,5 km  C. 45,6 km  B. 46,5 km/h  Câu 3: Cá heo bơi với vận tốc 120 m/giây được 1200 m. Tính thời gian bơi của cá heo.  A. 10 m/giây  B. 10 giờ  C. 10 phút  D. 10 giây  Câu 4: Một ô tô trong 4 giờ đi được 170km. Tính vận tốc của ô tô.  A. 42,5 km  B. 42,5 km/h  C. 43 km/h  D. 43 km  - GV nhận xét, tổng kết hoạt động  - GV giới thiệu bài: Qua trò chơi, cô nhận thấy: các em đã áp dụng công thức và tính đúng vận tốc, quãng đường, thời gian của một số chuyển động trong thực tế, xác định đúng đơn vị của từng đại lượng. Và để giúp các em củng cố, luyện tập thêm cách tính quãng đường, thời gian trong một số tình huống thực tiễn, chúng ta đi vào bài học hôm nay: *Bài 74: Quãng đường, thời gian trong chuyển động đều (Tiết 2).* | - Học sinh chơi trò chơi *Rung chuông vàng* theo hướng dẫn của GV. HS cả lớp chơi bằng cách ghi đáp án đúng vào bảng con. Ai sai thì phải dừng lại.  + Đáp án: D. *9 cm/s*  + Đáp án: C. *45,6 km*  + Đáp án: D. *10 giây*      + Đáp án: B. *42,5 km/h*  - HS lắng nghe, tuyên dương  - HS lắng nghe | | B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH, LUYỆN TẬP:  Mục tiêu:  HS làm được Bài tập 3, 4/trang 64: HS giải các bài toán liên quan đến tính quãng đường, thời gian trong một chuyền động đều; nhận biết được mối quan hệ giữa quãng đường, thời gian, vận tốc trong chuyển động đều; biết tên gọi, kí hiệu của một số đơn vị đo quãng đường, thời gian; biết cách tính quãng đường, thời gian trong một chuyển động đều; nắm công thức để giải các bài toán về vận tốc, quãng đường, thời gian; giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến quãng đường, thời gian, vận tốc. | | | \* Bài 3:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 3.  - GV hỏi: Bài toán cho biết gì?    - GV hỏi: Bài toán hỏi gì?  - GV hỏi: Muốn biết người đó đi hết quãng đường vào lúc mấy giờ, ta làm thế nào?  - GV hỏi: Sau khi biết được thời gian người đi bộ đi hết quãng đường đó, muốn biết được người đó đi hết quãng đường vào lúc mấy giờ, ta làm thế nào?  - GV yêu cầu HS tiến hành làm bài tập 2 vào vở, 1 HS làm bảng lớp  - GV gọi HS nêu cách đổi 1,5 giờ ra 1 giờ 30 phút cho cả lớp nghe  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  \* Bài 4:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 4.  - GV hỏi: Bài toán cho biết gì?    - GV hỏi: Bài toán hỏi gì?    - GV hỏi: Trước tiên, ta làm thế nào?    - GV hỏi: Sau khi biết được vận tốc bơi của anh Khôi, muốn biết khi bơi thêm 12 phút thì anh Khôi bơi được tất cả bao nhiêu mét, ta làm thế nào?    - GV yêu cầu HS tiến hành làm bài tập 3 vào vở, 1 HS làm bảng lớp  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. | *-* HS đọc yêu cầu bài 3.  - HS trả lời: Một người đi bộ với vận tốc 5 km/h. Người đó xuất phát lúc 15 giờ 30 phút và đi quãng đường dài 7,5 km.  - HS trả lời: Hỏi người đó đi hết quãng đường vào lúc mấy giờ?  - HS trả lời: Ta phải tính được thời gian người đi bộ đi hết quãng đường dài 7,5 km.  - HS trả lời: Ta lấy giờ xuất phát 15 giờ 30 phút cộng với thời gian người đi bộ đi hết quãng đường đó.  - HS khác nhận xét.  - HS tiến hành làm bài tập 2 vào vở, 1 HS làm bảng lớp  *Bài giải:*  Thời gian người đó đi quãng đường dài 7,5 km là:  7,5 : 5 = 1,5 (giờ)  Đổi 1,5 giờ = 1 giờ 30 phút  Người đó đi hết quãng đường vào lúc: 15 giờ 30 phút + 1 giờ 30 phút = 17 giờ  Đáp số: 17 giờ.  - HS nhận xét bài làm ở bảng  - HS nêu cách đổi  - HS lắng nghe  *-* HS đọc yêu cầu bài 4.  - HS trả lời: Anh Khôi bơi 5 phút được 560 m.  - HS trả lời: Nếu anh Khôi tiếp tục bơi với vận tốc đó thêm 12 phút nữa thì anh Khôi bơi được tất cả bao nhiêu mét?  - HS trả lời: Ta phải tính được vận tốc bơi của anh Khôi.  - HS trả lời: Ta phải tính trong 12 phút, anh Khôi bơi được bao nhiêu mét. Sau đó, lấy quãng đường anh bơi lúc 5 phút đầu *cộng* với quãng đường anh bơi lúc 12 phút sau.  - HS khác nhận xét.  - HS tiến hành làm bài tập 3 vào vở, 1 HS làm bảng lớp  *Bài giải:*  Vận tốc bơi của anh Khôi là:  560 : 5 = 112 (m/phút)  Nếu anh Khôi tiếp tục bơi thêm 12 phút nữa thì anh Khôi bơi thêm được số mét là:  112 x 12= 1 344 (m)  Anh Khôi bơi được tất cả số mét là:  560 + 1 344 = 1 904 (m)  Đáp số: 1 904 m.  - HS nhận xét bài làm ở bảng  - HS lắng nghe | | C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, TRẢI NGHIỆM:  Mục tiêu:  HS làm được Bài tập 5/trang 64: HS giải các bài toán liên quan đến tính quãng đường, thời gian trong một chuyền động đều; vận dụng giải quyết được một số tình huống thực tế có liên quan đến quãng đường, thời gian, vận tốc. | | | \* Bài 5:  - GV gọi HS đọc yêu cầu bài 5.  - GV hỏi: Bài toán cho biết gì?      - GV hỏi: Bài toán hỏi gì?  - GV hỏi: Trước tiên, ta làm thế nào?    - GV hỏi: Vận tốc tên lửa đang tính theo đơn vị gì?  - GV hỏi: Sau khi biết được vận tốc của tên lửa theo đơn vị m/phút, muốn biết trong 1 giờ tên lửa đó bay được quãng đường là bao nhiêu ki – lô - mét, ta làm thế nào?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4, tiến hành làm bài tập 5 vào PHT  - GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp  - GV khuyến khích HS giải thích cho bạn nghe cách đổi đơn vị của mình.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  *\* Củng cố*  - GV hỏi: + Tiết học hôm nay giúp em biết thêm được điều gì? Thuật ngữ nào chúng ta cần ghi nhớ?  + Các em đã được học về cách tính vận tốc quãng đường, thời gian trong chuyển đồng đều, theo em điều đó có thể ứng dụng trong cuộc sống như thế nào?  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  *\* Dặn dò:* GV dặn HS về nhà tình huống thực tế liên quan đến tính quãng đường, thời gian, vận tốc của 1 chuyển động để hôm sau lên chia sẻ với các bạn; nắm công thức tính quãng đường, thời gian, vận tốc để áp dụng giải quyết các tình huống khác trong thực tế; chuẩn bị bài sau: *Bài 75: Luyện tập (trang 65)* | - HS đọc yêu cầu bài 5  - HS trả lời: Một tên lửa bay với vận tốc siêu thanh Mach 2 (tức là gấp 2 lần vận tốc âm thanh). Biết vận tốc âm thanh là khoảng 20600 m/phút.  - HS trả lời: Hỏi trong 1 giờ tên lửa đó bay được quãng đường là bao nhiêu ki - lô - mét?  - HS trả lời: Ta phải tính được vận tốc của tên lửa  - HS trả lời: Vận tốc của tên lửa đang tính theo đơn vị m/phút  - HS trả lời: Ta phải tính quãng đường tên lửa bay trong 1 giờ, sau đó đổi sang đơn vị km  - HS thảo luận nhóm 4, tiến hành làm bài tập 5 vào PHT  *Bài giải*  Vận tốc của tên lửa là:  20 600 x 2 = 41 200 (m/phút)  Trong 1 giờ tên lửa đó bay được quãng đường là:  41 200 x 60 = 2 472 000 (m)  Đổi 2 472 000 m = 2 472 km  Đáp số: 2 472 km  - Đại diện một số nhóm chia sẻ cách làm của nhóm mình  - HS giải thích  - HS lắng nghe  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Tiết 4: SINH HOẠT LỚP  Kết quả thực hiện kế hoạch Gắn kết yêu thương  I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:  1. Năng lực đặc thù:   * Lập và sử dụng được sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình. * Chia sẻ được về các khoản chi tiêu trong gia đình mình. * Lập được số tay ghi chép chi tiêu của gia đình.   2. Năng lực chung:   * *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp. * *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp. * *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.   3. Phẩm chất:   * *Tự lực, trách nhiệm:* chủ động sắp xếp thời gian và sử dụng thời gian hợp lí,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.   II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:  1. Đối với giáo viên   * Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5. * Giấy A3, bút, bút màu. * Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề   2. Đối với học sinh   * SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 5. * Thực hiện nhiệm vụ trong SBT trước khi đến lớp. * Đồ dùng học tập theo yêu cầu của GV.   III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:   |  |  | | --- | --- | | HOẠT ĐỘNG CỦA GV | HOẠT ĐỘNG CỦA HS | | 1. Khởi động:  \* Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS, giúp đỡ HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú với bài học mới.  \* Cách tiến hành  - GV tổ chức cho HS vận động theo bài hát.  2. Khám phá:  Hoạt động 1: Sinh hoạt lớp:  a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS:  - Tổng kết được những việc đã làm được trong tuần vừa qua.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp.  ……………..…………………………………..  ……………..…………………………………..  ……………..…………………………………..  ……………..…………………………………..  ……………..…………………………………..  ……………..…………………………………..  Cách tiến hành  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 28 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 29.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  Hoạt động 2: Sinh hoạt theo chủ đề:Kết quả thực hiện kế hoạch Gắn kết yêu thương  a. Mục tiêu: HS:  - Liệt kê được những việc đã làm thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.  - Chia sẻ được cảm xúc của bản thân khi thực hiện những việc làm đó.  b. Cách tiến hành  - GV tổ chức cho HS hát một bài hát về chủ đề Gia đình để tạo không khí vui vẻ thoải mái.  <https://youtu.be/b45LxYgYG0g>  - GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm (4 – 6 HS) các nội dung:  + Những việc em đã làm thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.  + Cảm xúc của người thân khi em thực hiện những việc làm đó.    - GV mời một số HS trình bày trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi cho bạn (nếu có).  - GV khen ngợi HS đã tích cực thực hiện các việc làm thể hiện trách nhiệm và lòng biết ơn với các thành viên trong gia đình.  - GV hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề *Mái ấm gia đình*. HS hoàn thành Phiếu tự đánh giá sau chủ đề trong *Vở thực hành Hoạt động trải nghiệm 5.*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Em tự đánh giá kết quả học được từ chủ đề theo gợi ý | | | | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành | | - Thể hiện trách nhiệm, lòng biết ơn của mình với các thành viên trong gia đình bằng thái độ, lời nói, việc làm cụ thể. | | | | - Tạo bầu không khí vui vẻ, đầm ấm trong gia đình. | | | | - Lập và sử dụng sổ tay ghi chép chi tiêu của gia đình. | | |   \* CỦNG CỐ  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  \* DẶN DÒ  - GV nhắc nhở HS:  + Chuẩn bị trước *Chủ đề 8 – Tuần 29.* | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS hát cùng nhau.  - HS làm việc nhóm.  - HS trình bày.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đánh giá kết quả.  - HS lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |   \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_    *BLĐ kí duyệt, ngày 28 tháng 3 năm 2025*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Người soạn          Nguyễn Thu Trang | Khối trưởng  Hoàng Thị Nụ | Ban lãnh đạo PHT  Phạm Thị Huyền | |
|  |